

THÔNG BÁO

**Về việc mời chào giá để mua sắm vật tư y tế
phục vụ cho hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện 199 năm 2026**

Bệnh viện 199 đang có nhu cầu mua sắm một số vật tư y tế phục vụ cho hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện. Để có căn cứ tổ chức mua sắm, Bệnh viện 199 kính mời các đơn vị quan tâm, tham gia chào giá các mặt hàng vật tư y tế cụ thể như sau:

1. Danh mục Vật tư y tế mời chào giá: theo Phụ lục 1 đính kèm.
2. Biểu mẫu Báo giá Vật tư y tế: theo Phụ lục 1.1 đính kèm.

- Hồ sơ đính kèm: Bản photo quyết định trúng thầu còn hiệu lực của sản phẩm trong vòng 12 tháng có đóng dấu của công ty (ưu tiên quyết định trúng thầu còn hiệu lực gần nhất với thời điểm chào giá); hồ sơ liên quan đến sản phẩm chào giá có đóng dấu công ty; hồ sơ năng lực, hồ sơ sản phẩm của nhà cung cấp (*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Báo cáo tài chính Hợp đồng tương tự 02 bản + hoá đơn bán hàng ...*).

- Bản giấy gửi về địa chỉ: Nhà thuốc Bệnh viện 199, Số 216 Nguyễn Công Trứ, phường An Hải, TP Đà Nẵng.

- Riêng bảng báo giá bản mềm (định dạng Excel) gửi về địa chỉ Email: nhatthuocbenhvien199@gmail.com.

- Thời gian nhận hồ sơ: Trước 15 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 03 năm 2026.

- Người nhận: Ds Nguyễn Thị Tường Vy - ĐT: 0327.912.210.

Lưu ý: Bảng báo giá phải có chữ ký, đóng dấu của đại diện hợp pháp nhà cung cấp, ghi rõ thời gian hiệu lực của báo giá. Giá chào phải bao gồm tất cả các chi phí liên quan như thuế, chi phí vận chuyển.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý nhà cung cấp. 

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Các nhà cung cấp;
- Lưu: VT, KD (vy-2b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




BS CKII Trần Quang Pháp

Phụ lục 1

(Kèm theo Thông báo số: 585/TB-BV199-KD ngày 19 tháng 03 năm 2026)

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng dính miếng cá nhân 7.2 x 1.9 cm	Vải viscose, polyamide co dãn. Kẽm oxit không dung môi, Kích thước: 7.2 x 1.9 cm	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	3.060
2	Băng dính miếng cá nhân 7.2 x 3.8 cm	Vải viscose, polyamide co dãn. Kẽm oxit không dung môi, Kích thước: 7.2 x 3.8 cm	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	2.700
3	Dung dịch điều trị táo bón, làm sạch đại tràng 120ml	Sodium Phosphate monobasic dehydrate, Disodium phosphate dodecahydrate, Natri methyl p-oxybenzoate, Nước tinh khiết	Dùng ngoài	Dung dịch	Lọ	1.000
4	Dung dịch hỗ trợ viêm họng, giảm sự phát triển của vi khuẩn dạng xịt	Xạ can, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Sucralose, Natri benzoat, Menthol, Cremophor RH 40, Ethanol 96%, Nước tinh khiết vừa đủ 15ml	Dùng ngoài	Dung dịch	Lọ	200
5	Nước súc miệng - họng điều trị viêm nhiễm, viêm lợi, nhiệt miệng	Chlorhexidin gluconate 0.2%, Natri Florua 0,05% , Cremophor RH40 , Glycerin , Menthol, Manitol, tinh dầu bạc hà	Súc miệng họng	Dung dịch	Lọ	200
6	Dung dịch xoa bóp ngoài da điều trị viêm khớp nhẹ, đau lưng, đau cơ	Homalomena aromatica extraction, menthol crystal, methyl salicylate, cinnamomun cassia extraction, ethanol, hydrogenated castor oil, water	Dùng ngoài da	Dung dịch	Chai	200
7	Dung dịch xịt làm sạch niêm mạc, làm ẩm, loại bỏ bụi bẩn ở mũi	Natri clorid 0,9%. Muối đồng Pentahydrat, Glycerin, Benzalkonium Clorid, Nước tinh khiết vừa đủ	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	200
8	Hỗn dịch nhuận tràng, chống táo bón, đầy hơi, sinh bụng đường tiêu hóa	Mỗi gói 15ml chứa: PEG-4000 (5g), Simethicon (50mg), Sucrose, Acid citric, Sucralose, Polysorbat 80, Kali sorbat, Hương bạc hà, Nước tinh khiết.	Uống	Hỗn hợp uống	Gói	1.000
9	Dung dịch xịt làm ẩm, loại bỏ bụi bẩn ở mũi	Muối biển tinh khiết (natri clorid 0,9%), Bạc nano, Acid boric, Benzalkonium clorid, Natri tetraborat decahydrat, Dinatri edetat, HPMC E6, Propylen glycol, Nipagin, Glycerin, Glucose, Nước tinh khiết vừa đủ	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	200
10	Dung dịch xịt làm giảm phù nề, sung huyết, hỗ trợ điều trị viêm mũi, sạch mũi	NaCl 2.1%, Nano Bạc	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	200
11	Dung dịch nước muối ưu trương giúp giảm khô mũi, sung huyết, sạch dịch nhầy ở mũi	Nước muối ưu trương 3%, Natri hyaluronat 0.02% và Xylitol	Nhỏ mũi	Dung dịch	Lọ	200
12	Dung dịch sát khuẩn vết thương	Povidone Iodine 10% (kl/t), Glycerin, Dinatri hydrogen phosphat, Acid citric, Natri hydroxyd, Kali iodid, Kali iodate, nước tinh khiết vừa đủ	Dùng ngoài	Dung dịch	Chai	200
13	Dung dịch vệ sinh răng, giảm mùi hôi răng, ngừa viêm lợi, nhiệt miệng	Natri bicarbonat, natri borat, nano bạc, menthol	Dùng ngoài	Dung dịch	Chai	200
14	Gel xoa bóp, giảm đau xương khớp	Chondroitin sulfat 5%, methyl salicylat 2%	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	200
15	Xịt hỗ trợ điều trị vết thương hở do loét, xạ trị, bỏng từ cấp tính đến mãn tính	Hexamethyldisiloxane 97%, Triss polymer 3%	Xịt ngoài da	Gel xịt lỏng	Chai	200
16	Gel quản lý vết sẹo 30mL	Cyclomethicone 37%; Dimethicone Crosspolymer 60%; Tatrahexyldecyl Ascorbate 1%; Squalane 1%; Emu Oil 1%	Gel thoa ngoài da	Gel	Tube	300
17	Gel quản lý vết sẹo 15mL	Cyclomethicone 37%; Dimethicone Crosspolymer 60%; Tatrahexyldecyl Ascorbate 1%; Squalane 1%; Emu Oil 1%	Gel thoa ngoài da	Gel	Tube	300
18	Gel quản lý vết sẹo 10mL	Cyclomethicone 37%; Dimethicone Crosspolymer 60%; Tatrahexyldecyl Ascorbate 1%; Squalane 1%; Emu Oil 1%	Gel thoa ngoài da	Gel	Tube	300
19	Gel quản lý vết sẹo 01mL	Cyclomethicone 37%; Dimethicone Crosspolymer 60%; Tatrahexyldecyl Ascorbate 1%; Squalane 1%; Emu Oil 1%	Gel thoa ngoài da	Gel	Gói	300



[Handwritten signature]

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
20	Miếng dán silicone xóa mờ sẹo lồi/ phì đại kích thước 25x30cm	Silicone 100%	Miếng dán ngoài da	Tấm silocone	Miếng	200
21	Miếng dán silicone xóa mờ sẹo lồi/ phì đại kích thước 10x20cm	Silicone 100%	Miếng dán ngoài da	Tấm silocone	Miếng	200
22	Miếng dán silicone xóa mờ sẹo lồi/ phì đại kích thước 2.5x5.5cm	Silicone 100%	Miếng dán ngoài da	Tấm silocone	Miếng	200
23	Miếng dán silicone xóa mờ sẹo lồi/ phì đại kích thước 3.75x12.5cm	Silicone 100%	Miếng dán ngoài da	Tấm silocone	Miếng	500
24	Miếng dán silicone xóa mờ sẹo lồi/ phì đại kích thước 3.75x7.5cm	Silicone 100%	Miếng dán ngoài da	Tấm silocone	Miếng	500
25	Miếng dán silicone xóa mờ sẹo lồi/ phì đại kích thước 2.5cm x 2.5cm	Silicone 100%	Miếng dán ngoài da	Tấm silocone	Miếng	200
26	Miếng dán xóa mờ sẹo phẫu thuật ngực hình kẹp nút	Silicone 100%	Miếng dán ngoài da	Tấm silocone	Miếng	300
27	Miếng dán xóa mờ sẹo phẫu thuật ngực hình tròn	Silicone 100%	Miếng dán ngoài da	Tấm silocone	Miếng	300
28	Miếng dán xóa mờ sẹo phẫu thuật ngực hình mỏ neo	Silicone 100%	Miếng dán ngoài da	Tấm silocone	Miếng	300
29	Miếng dán xóa mờ sẹo phẫu thuật ngực hình mỏ neo	Silicone 100%	Miếng dán ngoài da	Tấm silocone	Miếng	300
30	Kem làm mờ sẹo loại 60mL	Palmitoyl Oligopeptide 2,5%, Palmitoyl Tetrapeptide - 7 2,5%, Allium Cepa (Onion) Bulb Extract 2%, Arnica Montana Flower Extract 2%, Celendula Officinalis Flower Extract 0,1%	Thoa ngoài da	Kem	Tube	500
31	Kem làm mờ sẹo loại 30mL	Palmitoyl Oligopeptide 2,5%, Palmitoyl Tetrapeptide - 7 2,5%, Allium Cepa (Onion) Bulb Extract 2%, Arnica Montana Flower Extract 2%, Celendula Officinalis Flower Extract 0,1%	Thoa ngoài da	Kem	Tube	200
32	Kem làm mờ sẹo loại 10mL	Palmitoyl Oligopeptide 2,5%, Palmitoyl Tetrapeptide - 7 2,5%, Allium Cepa (Onion) Bulb Extract 2%, Arnica Montana Flower Extract 2%, Celendula Officinalis Flower Extract 0,1%	Thoa ngoài da	Kem	Tube	200
33	Kem làm mờ sẹo 4mL/4gr	Palmitoyl Oligopeptide 2,5%, Palmitoyl Tetrapeptide - 7 2,5%, Allium Cepa (Onion) Bulb Extract 2%, Arnica Montana Flower Extract 2%, Celendula Officinalis Flower Extract 0,1%	Thoa ngoài da	Kem	Tube	200
34	Kem phòng ngứa và làm mờ vết rạn da 90mL	Theobroma Cacao (Cocoa) Seed Butter 0,04, 3 Butyrospermum Parkii (Shea Butter) 0,04, Palmitoyl Hexapeptide-12 0.9%, Ceramide NG (Ceramide 2) 0.9%, Allantoin 0.9%	Thoa ngoài da	Kem	Tube	200
35	Dung dịch sát khuẩn răng miệng	Chlorhexidine digluconate 0.12 %, Sodium fluoride 0.05%	Súc họng	Dung dịch	Lọ	200
36	Nước súc miệng ngăn ngừa sâu răng, củng cố men răng dành cho trẻ em	Propolis (keo ong) 0,1mg, Chiết xuất trà xanh 0,5mg, Natri chloride 9mg, Natri flouride 0,2mg	Súc họng	Dung dịch	Lọ	500

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
37	Nước súc miệng họng tái tạo men răng, ngừa viêm lợi	Thymol, Menthol, Methyl Salicylat, Kẽm gluconat, Natri florid, Natri Hexametaphosphat, Natri benzoate, D-Panthenol, màu, hương liệu, nước tinh khiết	Súc họng	Dung dịch	Chai	200
38	Nước súc miệng ngừa mảng bám, đánh bay hôi miệng, giảm tình trạng xỉn vàng răng	Nước tinh khiết, Propylen glycol, Sorbitol, Ethanol, Green Tea Extract, (Chiết xuất trà xanh), Semen Arecae Extract (Chiết xuất hạt cau), Cetylpyridinium Chloride, Poloxamer, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Menthol, Methyl salicylate, Sodium chloride, Sodium flouride, Hương tự nhiên, Màu tự nhiên.	Súc họng	Dung dịch	Chai	200
39	Dung dịch xịt hỗ trợ phòng ngừa và làm dịu cơn đau, giảm sưng viêm họng	Benzylamine hydrochloride 30mg, glycerin, ethanol 96%, sodium methyl p-hydroxybenzoate, sodiumsaccharin, tinh dầu bạc hà, nước tinh khiết	Xịt mũi	Dung dịch	Lọ	200
40	Dung dịch nhỏ mắt hỗ trợ điều trị cận thị tiến triển	Atropin sulfat 0.01%	Nhỏ mắt	Dung dịch	Ống	200
41	Viên đặt bảo vệ, ngăn ngừa tình trạng nhiễm các vi khuẩn, nấm âm đạo	Lactobacillus rhamnosus 10 ¹⁰ CFU, Lactobacillus paracasei 10 ¹⁰ CFU, Lactobacillus plantarum 10 ¹⁰ CFU	Đặt âm đạo	Viên đạn	Viên	3.000
42	Viên đặt ngăn ngừa hình thành búi trĩ, giảm triệu chứng bệnh trĩ	Prednisolon acetat 1 mg, lidocain 60 mg, allantoin 20 mg, vitamin E acetat 50 mg	Đặt âm đạo	Viên đạn	Viên	3.000
43	Dung dịch nhỏ mắt làm giảm mỏi mắt, mờ mắt, mắt đỏ	Cyanocobalamin 0,2mg/ml, Pyridoxin hydrochlorid 1mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch	Ống	100
44	Viên đặt điều trị viêm âm đạo	Metronidazol 500mg, Neomycin sulfat 65.000 IU, Nystatin 100.000 IU, Hardfat và tá dược đủ 1 viên	Đặt âm đạo	Viên đặt	Viên	10.000
45	Dung dịch xịt co búi trĩ, giảm ngứa đau rát lành vết thương nứt kẽ hậu môn	Lidocain (dưới dạng Lidocain HCl), Phenylephrin HCl, Mono-Ammonium Glycyrrhizinat, dịch chiết lô hội (Aloe Barbadensis Leaf Juice), Allantoin, Natri Hyaluronat, Tocopheryl Acetat (Vitamin E), Butylated hydroxytoluen, Menthol, Glycerin, Polysorbat 80, Acrysol K140 (PEG-40 Hydrogenated Castor Oil), Natri methyl p-hydroxybenzoat, Natri propyl p-hydroxybenzoat, nước tinh khiết vừa đủ	Dùng ngoài	Dung dịch	Lọ	500
46	Nhũ tương nhỏ mắt điều trị tình trạng khô mắt	Dầu khoáng, Glycerol, tyloxapol, poloxamer 188, tris hydrochlorid, tromethamin, nước	Nhỏ mắt	Nhũ tương	Ống	200
47	Dung dịch điều trị viêm bờ mi, kết mạc, giác mạc ở mắt	Natamycin 5%, Tá dược: Benzalkonium clorid, natri hydroxid, acid hydrochloric, nước cất vừa đủ 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch	Lọ	200
48	Viên đặt âm đạo hỗ trợ điều trị nấm âm đạo, âm hộ	Clotrimazole 100mg	Đặt	Viên đặt âm đạo	Viên	6.000
49	Viên đặt âm đạo hỗ trợ điều trị nấm âm đạo, âm hộ	Clotrimazole 200mg	Đặt	Viên đặt âm đạo	Viên	9.000
50	Viên đặt âm đạo hỗ trợ điều trị nấm âm đạo, âm hộ	Clotrimazole 500mg	Đặt	Viên đặt âm đạo	Viên	1.000
51	Dung dịch nhỏ mắt gây tê cục bộ sử dụng trong nhãn khoa	Proparacain hàm lượng 0,5%, Cùng một số các loại tá dược khác vừa đủ	Nhỏ mắt	Dung dịch	Ống	100
52	Nhũ tương nhỏ mắt làm giảm tình trạng viêm giác mạc nặng	Ciclosporin 0.05%, Glycerin, Dầu thầu dầu, Polysorbat 80, Carbomer, Nước tinh khiết	Nhỏ mắt	Dung dịch	Ống	100
53	Kem bôi hỗ trợ giảm đau trĩ nội, trĩ ngoài, nứt kẽ hậu môn	Rutin, Lidocain, Phenylephrin hydrochlorid, Vitamin E acetat, Amoni glycyrrhizinat, Allantoin, Menthol, Glycerin, Vaseline trắng, Propylen glycol, Stearic acid, Cetyl alcohol, Natri lauryl sulfat, Citric acid, Natri citrat, methyl parahydroxybenzoat, propyl parahydroxybenzoat, Suppocire BSX, Nước tinh khiết vừa đủ	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	200

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
54	Viên đặt phụ khoa hỗ trợ viêm nhiễm vùng kín	Dequalinium clorid 10mg, Hard fat, Silic dioxiđ	Đặt	Viên đặt âm đạo	Viên	600
55	Dung dịch xịt gây tê trong nha khoa, phẫu thuật miệng	Lidocain (Lidocain base) 10%, Propylen glycol, Tá dược khác	Xịt	Dung dịch	Lọ	300
56	Gel dùng đường trực tràng giảm táo bón, mềm phân	Mỗi 1.00 mg chứa: Sorbitol 50%, Natri citrat 7,2%	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	200
57	Gel hỗ trợ vệ sinh vùng kín, phòng các bệnh viêm nhiễm phụ khoa	Clotrimazol 0.05 %, Vitamin E, Chamomile Extract (chiết xuất Cúc La Mã), Glycerin, Cocamidopropyl Betaine, Hương liệu, Nước vừa đủ	Dùng ngoài	Gel	Lọ	500
58	Viên uống tăng khả năng thụ thai tự nhiên ở phụ nữ trong độ tuổi sinh sản	Myo-inositol 300g, Chiro-inositol 7,5 mg, Omega 3 Marine Triglyceride 100mg, Vitamin E 30IU, Coenzyme Q10 7.5mg, Kẽm 5mg, Đồng 1mg, Acid folic 0.4mg, Selen 0,03 mg, Cyanocobanamin 0.01mg	Uống	Viên nang	Viên	3.000
59	Dung dịch nước biển sâu vệ sinh mũi dùng cho người lớn	Nước biển ở độ sâu 450m so với mạch nước biển chứa nhiều khoáng chất, đặc biệt có các nguyên tố vi lượng như Cu ²⁺ , Zn ²⁺ , tinh dầu bạc hà	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	500
60	Dung dịch nước biển sâu vệ sinh mũi dùng cho trẻ em	Nước biển ở độ sâu 450m so với mạch nước biển chứa nhiều khoáng chất, đặc biệt có các nguyên tố vi lượng như Cu ²⁺ , Zn ²⁺ , tinh dầu bạc hà	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	200
61	Dung dịch xịt mũi nước biển sâu ưu trương	Nước biển sâu ưu trương chứa natri clorid hàm lượng 2,4%, Muối, Các yếu tố khoáng chất gồm có Zn ²⁺ , Cu ²⁺	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	500
62	Nước súc miệng họng sát khuẩn	chlorhexidine digluconate (0.2%), sorbitol 70%, polyethylene glycol 400, sodium acetate trihydrate, Aspartame, Menthol, Eucalyptol oil,...nước tinh khiết	Súc miệng họng	Dung dịch	Lọ	500
63	Xịt rôm sảy hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ da bé	Nước tinh khiết, butylene glycol, chiết xuất yến mạch (Avena sativa L.), ethoxydiglycol, acrylates/beheneth-25 methacrylate copolymer, chiết suất búp hoa Kim ngân (Lonicera caprifolium/Lonicera japonica), hydroxyethyl arylate/sodium acryloyldimethyl taurate copolymer, glycyrrhetic acid (Glycyrrhiza spp.), glycerin, PEG-40 hydrogenated castor oil, hương liệu, potassium sorbate, disodium edetate, sodium hydroxide, 1,2-hexanediol, ethyl menthane carboxamide	Xịt lên da	Xịt rôm sảy	Chai	200
64	Nước mắt nhân tạo hỗ trợ giảm các triệu chứng khô mắt	Sodium hyaluronate (0,1%), sodium chloride, potassium chloride, boric acid, sodium borate, magnesium chloride hexahydrate, calcium chloride dihydrate, nipagin, nipasol, nước cất	Nhỏ mắt	Dung dịch	Lọ	300
65	Dung dịch nhỏ sạch thông mũi cho trẻ sơ sinh	Nước biển ở độ sâu 450m so với mạch nước biển chứa nhiều khoáng chất, đặc biệt có các nguyên tố vi lượng như Cu ²⁺ , Zn ²⁺ , tinh dầu bạc hà	Nhỏ mũi	Dung dịch	Chai	100
66	Dung dịch ngăn ngừa, hỗ trợ các triệu chứng cảm lạnh, làm ẩm mũi	lota-carrageenan (tinh chất tảo đỏ carrageenan), Sodium chloride, Citric acid monohydrate, Chất bảo quản (potassium sorbate,...), Chất điều hương(tinh dầu bạc hà,...), Polyoxyl 40 hydrogenated, Castor oil, Propylene glycol, Nước tinh khiết	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	300

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
67	Dung dịch xịt mũi người lớn nước biển sâu ưu trương (30 ml)	Nước biển sâu ưu trương (2.4% NaCl), các nguyên tố vi lượng Cu ²⁺ , Zn ²⁺	Xịt mũi	Dung dịch xịt mũi	Chai	200
68	Dung dịch xịt mũi trẻ em nước biển sâu ưu trương (30 ml)	Nước biển sâu ưu trương, 1.7% Các nguyên tố vi lượng Cu ²⁺ , Zn ²⁺	Xịt mũi	Dung dịch xịt mũi	Chai	200
69	Xịt sát khuẩn khoang miệng và loại bỏ mùi hôi	Chlorhexidine digluconate, zinc acetate, sodium fluoride, xylitol, peppermint flavor,...	Xịt họng	Dung dịch	Chai	300
70	Dung dịch vệ sinh mũi người lớn phun sương 75 ml	Nước biển sâu và khoáng chất đồng, kẽm,	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	300
71	Dung dịch vệ sinh mũi trẻ 6-12 tuổi phun sương 75ml	Nước biển sâu và khoáng chất đồng, kẽm	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	600
72	Dung dịch vệ sinh mũi trẻ dưới 6 tuổi phun sương 50 ml	Nước biển sâu và khoáng chất đồng, kẽm	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	200
73	Nước súc miệng họng thảo dược hỗ trợ giữ hơi thở thơm mát 500 ml	Cetylpyridinium choride (0,05%), sodium benzoate, benzoic acid, saccharin sodium, sorbitol 70, glycerin, propylene glycol, kolliphor RH 40, tinh dầu bạc hà, chiết xuất trà xanh, chiết xuất nha đam, brilliant blue, tartrazine, nước tinh khiết	Súc miệng họng	Dung dịch	Chai	200
74	Dung dịch cân bằng độ PH, nuôi dưỡng ẩm, mềm mại da vùng kín	Nước tinh khiết, glycerin, cocamidopropyl betaine, decyl glucoside, PEG 40 hydrogenated castor oil, xilitylglucoside-anhydroxylitol-xylitol (Aquaaxyl), Oenothera biennis (Dầu hoa anh thảo/ Evening Primrose Oil), Matricaria chamomilla (chiết xuất cúc La Mã), Thymus Vulgaris L. (chiết xuất Cỏ Xạ Hương), fucoidan, allantoin, tocopherol acetate (vitamin E), lactic acid, bisabolol, disodium EDTA (sodium edetate), potassium sorbate, sodium benzoate, hương liệu.	Vệ sinh âm đạo	Dung dịch	Chai	300
75	Gel trị sẹo thúc đẩy quá trình tái tạo da	Arbutin, Betaglukan, Sucralfate, Hyaluronic Acid, Zinc sulphate, Mannitol, Zanthalene	Đường bôi ngoài da	Dạng gel	Tuýp	500
76	Viên đặt hỗ trợ điều trị viêm, nấm âm đạo	Clindamycin Phosphate 100mg, Clotrimazole 150mg, Tinidazole 100mg	Đặt âm đạo	Viên nang	Viên	700
77	Viên đặt bổ sung nội tiết tố trong bệnh lý sản phụ khoa	Progesterone BP (Natural Micronised) 400mg	Đặt âm đạo	Viên nang	Viên	1.500
78	Bơm tiêm chứa hoạt chất chống dính sau phẫu thuật 1.1 ml	Natri hyaluronat 15mg/ml	Bơm xung quanh phẫu trường	Dung dịch nhót trong suốt đóng sẵn trong bơm tiêm	Ống tiêm	100
79	Bơm tiêm chứa hoạt chất chống dính sau phẫu thuật 3 ml	Natri hyaluronat 15mg/ml	Bơm xung quanh phẫu trường	Dung dịch nhót trong suốt đóng sẵn trong bơm tiêm	Ống tiêm	100
80	Bơm tiêm chứa hoạt chất chống dính sau phẫu thuật 5.1 ml	Natri hyaluronat 15mg/ml	Bơm xung quanh phẫu trường	Dung dịch nhót trong suốt đóng sẵn trong bơm tiêm	Ống tiêm	100
81	Dung dịch vô trùng dùng nhỏ giọt bảo vệ bằng quang	Sodium hyaluronate (1.6% – 800mg/50ml), Sodium Chondroitin sulphate (2% – 1g/ 50ml), Calcium Chloride (0.87% – 440mg/ 50ml), Nước cất vừa đủ	Nhỏ bằng quang	Dung dịch	Ống	500
82	Gel đặt âm đạo hỗ trợ đào thải HPV	Hyaluronic acid niosomes; β-glucan niosomes; Centella asiatica phytosome; Coriolus Versicolor; chiết xuất từ cây Neem; BioEcolia-alpha-oligoglucan; Aloe vera	Đặt âm đạo	Gel dùng trong âm đạo	Tuýp	500



STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
83	Gel đặt âm đạo hỗ trợ đào thải HPV	Hyaluronic acid niosomes, β -glucan niosomes, Centella asiatica phytosome (chiết xuất cây rau má), Coriolus Versicolor (chiết xuất nấm vân chi), Chiết xuất cây Neem, BioEcolia [®] -alpha-oligoglucan, Aloe vera (chiết xuất cây nha đam)	Đặt âm đạo	Gel dùng trong âm đạo	Tuýp	300
84	Gel đặt giữ ẩm âm đạo cải thiện khô, đau âm đạo	Polycarbophil 2.00%, Carbomer 974p 4.2%, Mineral Oil 12.90%, Purified water	Đặt âm đạo	Gel	Tuýp	200
85	Gel bôi điều trị, phòng ngừa viêm âm đạo	Acid Lactic 4.50%, Glycogen 0.10%, propylen glycol, Nước tinh khiết	Đặt âm đạo	Gel	Tuýp	500
86	Kem giảm ngứa, rát, đau do viêm da cơ địa, viêm da tiếp xúc	Nước, Ethylhexyl palmitate, Butyrospermum parkii butter, Pentylene glycol, Arachidyl alcohol, Behenyl alcohol, Arachidyl glucoside, Butylene glycol, Glyceryl stearate, Glycyrhethinic acid, Capryloyl glycine, Bisabolol, Tocopheryl acetate, PEG-100 stearate, Carbomer, Ethylhexylglycerin, Piroctone olamine, Sodium hydroxide, Allantoin, DMDM hydantoin, Sodium hyaluronate, Vitis vinifera seed extract, Disodium EDTA, Ascorbyl tetraisopalmitate, Propyl gallate, Telmesteine.	Dùng ngoài	Cream	Tuýp	500
87	Sữa dưỡng ẩm giảm ngứa, rát, đau do viêm da cơ địa, viêm da tiếp xúc	Nước, Ethylhexyl palmitate, Butyrospermum parkii butter, Pentylene glycol, Arachidyl alcohol, Behenyl alcohol, Arachidyl glucoside, Butylene glycol, Glycyrhethinic acid, Ceteth-20, Capryloyl glycine, Glyceryl stearate, Bisabolol, Tocopheryl acetate, Ethylhexylglycerin, Piroctone olamine, Carbomer, Propylene glycol, Sodium hydroxide, Allantoin, Sodium hyaluronate, Vitis vinifera leaf extract, Disodium EDTA, Ascorbyl tetraisopalmitate, Propyl gallate, Telmesteine.	Dùng ngoài	Kem dưỡng da	Lọ	500
88	Gel cải thiện hiệu quả sẹo lồi, sẹo phì đại	Cyclic, Polymeric siloxanes, vitamin C ester	Bôi ngoài	Gel	Tuýp	300
89	Gel cải thiện hiệu quả sẹo lồi, sẹo phì đại	Cyclic, Polymeric siloxanes, vitamin C ester	Bôi ngoài	Gel	Tuýp	500
90	Gel cải thiện hiệu quả sẹo lồi, sẹo phì đại dành cho trẻ em	Cyclic, Polymeric siloxanes, vitamin C ester	Bôi ngoài	Gel	Tuýp	200
91	Gel hỗ trợ chữa lành vết thương do bỏng, loét	Aqua 93.45%, Stearyl Heptanoate (PCL solid) 3.15%, Carbomer (Carbopol 980 NF) 1.4%, Cetearyl Ethylhexanoate (PCL liquid) 1.05%, L-carnosine 0.6%, Sodium Benzoate 0.3%, Potassium Sorbate 0.05%	Bôi ngoài	Gel	Tuýp	400
92	Dung dịch vệ sinh xịt mũi ưu trương	Sodium Chlorid 3%, Sodium Hyaluronic 0.02%, Potassium dihydrogen phosphate, Potassium hydrogen phosphate, Methylsulfonylmethane, Disodium edetate, Benzalkonium chlorid, Distilled water	Xịt mũi	Dung dịch	Hộp	300
93	Muối rửa mũi xoang hằng ngày và loại bỏ dịch nhầy sau phẫu thuật	Sodium Chlorid 1,5%, Sodium Hyaluronate, Sodium Bicarbonate, Sodium borat, Distilled water	Xịt mũi	Dung dịch	Hộp	500
94	Muối hỗ trợ phòng ngừa viêm mũi, viêm xoang	Sodium Chlorid 1,5%, Sodium Hyaluronate, Sodium Bicarbonate, Sodium borat, Distilled water	Xịt mũi	Dung dịch	Hộp	500
95	Dung dịch xịt mũi ưu trương làm giảm dịch nhầy ở trẻ em	Sodium Chlorid 1.9%, Silver Nano, Sodium Hyaluronic 0.02%, Methylsulfonylmethane, Dihydrogen phosphate, Hydrogen phosphate, Benzalkonium chlorid	Xịt mũi	Dung dịch	Hộp	500
96	Dung dịch xịt tai	Natri Clorid 0,9%, Natri bicarbonat, Disodium EDTA, Silver Nano, Glycerine, Nano Bạc, Bonic Acid, Nước tinh khiết	Xịt ống tai ngoài	Dung dịch	Lọ	300
97	Nước súc miệng họng hỗ trợ chống trào ngược dạ dày	Purified water, Sodium bocarbonate, Sodium bonate, Sodium benzoate, Methol, Nano Silver, Keo ong, Polyethylene glycol 40, Hydrogenated	Súc miệng	Dung dịch	Hộp	300

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
98	Dung dịch xịt mũi dự phòng và điều trị viêm mũi dị ứng theo mùa	Ectoin 2%, Sodium chloride, Nano bạc, Methylsultonylmethane, Sodium, Bicarbonat, Benzalkonium chloride, Nước tinh khiết vừa đủ	Xịt mũi	Dung dịch	Hộp	300
99	Dung dịch vệ sinh, làm sạch kỹ sinh trùng trên da	Natri laureth sulfat, Methol, Eucaliptol, polyethylen glycol, polysorbat 80, Permethrin 5%, nước tinh khiết.	Dùng ngoài da	Dung dịch	Lọ	300
100	Gel trị mụn trứng cá chuyên biệt	Phức hợp ABA, Niacinamide 4% (Vitamin B3), Kẽm PCA, Aqua, Alcohol Denat, Laureth-12, Niacinamide, Magnesium Aluminum Silicate, Hydroxypropyl methylcellulose, Lauryl glucoside, Citric Acid, Phthalate	Dùng ngoài da	Gel	Tuýp	200
101	Sữa dưỡng thể ngăn ngừa làm giảm mụn	Aqua, Acohol denat , Niacinamide, Hamamelis virginiana water, PEG-6 Caprylic/Capric glycerides, Zinc PCA, lauryl glucoside, propylene glycol, diazolidinyl urea, citric acid, sodium benzoate, potassium sorbate	Dùng ngoài	Dung dịch	Lọ	500
102	Sữa rửa mặt ngăn ngừa mụn, làm sạch da	Aqua, Acohol denat , Niacinamide, Hamamelis virginiana water, PEG-6 Caprylic/Capric glycerides, Zinc PCA, lauryl glucoside, propylene glycol, diazolidinyl urea, citric acid, sodium benzoate, potassium sorbate	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	500
103	Kem dưỡng ngừa mụn, giảm bóng nhờn	Aqua, Butylen Glycol Dicaprylate/Dicaprate, Cetearyl Alcohol, Isodecyl Neopentanoate, Niacinamide, Polymethyl Methacrylate, Cyclopentasiloxane, Dimethicone/Vinyl Dimethicone Crosspolymer, Cera Alba, Cetearyl Glucoside, Sucrose Stearate, Zinc PCA, Acrylamide/Sodium Acryloyldimethyltaurate Copolymer, C13-14 Isoparaffin, C30-45 Alkyl Methicone, C30-45 Olefin, Methylparaben, C12-14 Pareth 12, Laureth-7, Propylparaben, Diazolidinyl Urea, Phenoxyethanol, Benzoic Acid, Chlorphenesin.	Dùng ngoài	Gel	Lọ	200
104	Dung dịch vệ sinh phụ nữ, bảo vệ vùng kín trước các tác nhân gây bệnh	Water, Witch Hazel Extra (Chiết xuất cây phi), Chamomile Extract (Chiết xuất la mã), Thyme Extract (chiết xuất cỏ xạ hương), Dequal inium chloride, Glycerin, Cocamidopropyl betain, Propylen glycol, Cocamide Diethanolamine, Decyl Glucoside, Peg-40 Hydrogenated, Castor Oil, D-panthenol, Allantoin, ZinC Gluconate, Latic Acid, Disodi-um EDTA, sodium benzoate, phenoxyethanol, methol	Dùng ngoài	Gel	Lọ	500
105	Dung dịch thực trực tràng	Hỗn hợp Monobasic natri phosphat (dưới dạng Natri dihydrophosphat dihydrat), Dibasic natri phosphat (dưới dạng Dinatri hydrophosphat dodecahydrat) và nước tạo ra một dung dịch cân bằng tương ứng hàm lượng ion natri 4,4 gam/118ml	Thực trực tràng	Dung dịch	Chai	200
106	Dung dịch nhuận tràng điều trị ngăn hạn táo bón, làm sạch đại tràng	Monobasic natri phosphat monohydrat, Dibasic natri phosphate heptahydrat, Phụ liệu: Sucralose, Natri benzoate, Hương liệu, Nước tinh khiết	Uống	Dung dịch	Lọ	200
107	Dung dịch thực trực tràng điều trị táo bón, làm sạch ruột trước phẫu thuật	Trong mỗi 133ml có chứa: Monobasic natri phosphat monohydrat 21.41g, Dibasic natri phosphat heptahydrat 7.8g, Tá dược: dinatri edetat, benzalkonium chloride, nước tinh khiết. Tiêu chuẩn: TCCS	Thực trực tràng	Dung dịch	Lọ	200
108	Dung dịch điều trị ngứa, điều tiết, bảo vệ mắt	Mỗi lọ 10ml chứa: Natri hyaluronat 20mg, vitamin B2 1mg, Vitamin B6 1mg, Natri chloride, Acid boric, Natri borat, Nước. Tiêu chuẩn: TCCS	Nhỏ mắt	Dung dịch	Lọ	300
109	Gel bôi vết thương, bôi bong, vết loét	Mỗi tuýp 28g chứa: Maltodextrin, Chlohexidin Gluconate, 3-0 Ethyl Ascorbic Acid, Nano Cucurmin, Glycerin, Nano Silver, Water. Tiêu chuẩn: TCCS	Bôi ngoài da	Gel	Tuýp	300

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
110	Bột pha hỗn dịch nhuận tràng, điều hòa nhu động sinh lý đại tràng	Thành phần trong 100g: Macrogol 3350, tác dược: Silicon dioxide; Sodium saccharin; hương thực phẩm. Tiêu chuẩn: TCCS	Uống	Dung dịch	Hộp	300
111	Chất làm đầy, bôi trơn trong chấn thương, thoái hoá khớp	Mỗi ống tiêm 4ml chứa: natri hyaluronate chuỗi trung bình (1200-1500 kdalton) ở nồng độ 2% (80 mg / ống tiêm) Tiêu chuẩn: ISO	Tiêm	Dung dịch	Ống	100
112	Nước súc họng diệt khuẩn	Trong mỗi 250ml chứa: Chlorhexidine digluconate 0.12%, Sodiumfluorides 0.35%, Tác dược: Sorbitol, glycerin, acid citric, sodium methyl paraben, sodium propyl paraben, sodium metabisulfite, sodium citrate, sodium saccharine, hương bạc hà, màu xanh, nước tinh khiết. Tiêu chuẩn: TCCS	Súc họng	Dung dịch	Hộp	200
113	Dung dịch rửa vết thương bên ngoài da, loại bỏ vi khuẩn	Mỗi 200ml chứa: Hyaluronic Acid 0.1%, Nano Silver 0.5%, Dexpanthenol 0.1%, Ancol Ethylic 10%, Nước tinh khiết vừa đủ Tiêu chuẩn: TCCS	Dùng ngoài da	Dung dịch	Chai	200
114	Dung dịch súc họng diệt vi khuẩn	Mỗi 250ml chứa: Chlorhexidine 0.2%, Menthol 0.1%, AHA (Acid hyaluronic) 0.025%, Nano bạc 0.02%, Baking soda , Hương nhu , Thymol , Acid salicylic, Piper Betle Extract, Xylitol , Sorbitol, Nước tinh khiết vừa đủ. Tiêu chuẩn: TCCS	Súc họng	Dung dịch	Chai	200
115	Dung dịch nhỏ mũi làm giảm khô mũi, chống sung huyết mũi	Mỗi 8ml chứa: Natri clorid 3.0%, Natri Hyaluronat 0.02%, Xylitol, diKali hydrogen phosphat, Kali dihydrogen phosphat, Natri EDTA, Glycerin, Benzalkonium chloride, nước tinh khiết vừa đủ. Tiêu chuẩn: TCCS	Nhỏ mũi	Dung dịch	Lọ	200
116	Dung dịch xịt mũi chống nghẹt mũi, sung huyết mũi	Mỗi 100ml chứa: Muối biển tinh khiết (natri clorid 3%), Nano bạc, Natri hyaluronat, Tác dược vừa đủ. Tiêu chuẩn: TCCS	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	200
117	Siro hỗ trợ giảm đau, viêm họng 100ml	Mỗi 100ml chứa: Sirô maltitol 64%, Glycerol 5%, Chiết xuất cỏ xạ hương 3.6%, Nước ép quả lý chua đen đậm đặc 3%, Chiết xuất marshmallow 1.5%, Chiết xuất quả com cháy khô 2%, Chiết xuất quả lý chua đen khô 1%, Hương lý nho đen tự nhiên ,Xanthan gum ,Potassium sorbate ,Sodium benzoate ,Sucralose ,Nước tinh khiết .Tiêu chuẩn: TCCS	Uống	Dung dịch	Chai	200
118	Dung dịch xịt họng hỗ trợ suy giảm, mất trí nhớ	Mỗi 01 ml chứa: Citicoline 100mg/ml. Natri citrat dihydrat, Vanilin, Hương liệu tổng hợp, Nước tinh khiết vừa đủ 50ml Tiêu chuẩn: TCCS	Xịt họng	Dung dịch	Chai	200
119	Dung dịch nhỏ miệng họng giảm ho long đờm	Mỗi 60ml chứa: Sâm đại hành: 12 g; Xạ can: 600mg; Cánh kiến trắng: 600mg; Thởng xuân: 4g, Keo ong, Natri Benzoat, Natri Bromid, Đường kính, Hương liệu tổng hợp, Nước tinh khiết vừa đủ 60ml. Tiêu chuẩn: TCCS	Nhỏ họng	Dung dịch	Chai	200
120	Dung dịch tăng cường sức đề kháng cho cơ thể	Thành phần: Sắt (dưới dạng sắt sulfat) 2,009mg, Kẽm (dưới dạng kẽm sulfat) 1,137mg, Magnesi (dưới dạng magnesi sulfat) 0,4044mg, Mangan (dưới dạng mangan sulfat) 0,3055mg, Đồng (dưới dạng đồng sulfat) 0,2545mg, Molybden (dưới dạng amoni molybdat) ,Vanadi (dưới dạng amoni monovanadat) ,Niken (dưới dạng niken sulfat) ,Bo (dưới dạng acid boric) ,Flo (dưới dạng natri florid) ,Coban (dưới dạng coban clorid) vừa đủ 1ml. Tiêu chuẩn: TCCS	Uống	Dung dịch	Chai	200
121	Muối rửa mũi làm sạch, dịu, bảo vệ niêm mạc xoang	Natri Chlorid vô khuẩn (USP) 1620mg, Natri bicarbonat vô khuẩn 380mg, Xylitol 600mg	Xịt mũi	Dung dịch	Hộp	200
122	Nước súc chăm sóc răng miệng, hỗ trợ điều trị viêm họng	Hyaluronic acid (trọng lượng phân tử cao dạng muối Natri Sodium hyaluronic) 62,5mg, Menthol 25mg, Thymol 2,5mg, Sorbitol, Sodium saccharin, Natri benzoate, Glycerine, Ethanol, nước tinh khiết.	Súc họng	Dung dịch	Lọ	200
123	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Peptide trọng lượng phân tử thấp (LWPs) nguồn gốc từ collagen bò thủy phân 5mg/ml - 0,5ml	Tiêm	Dung dịch	Ống	100

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
124	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Peptide trọng lượng phân tử thấp (LWPs) nguồn gốc từ collagen bò thủy phân 5mg/ml - 1ml	Tiêm	Dung dịch	Ống	100
125	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Peptide trọng lượng phân tử thấp (LWPs) nguồn gốc từ collagen bò thủy phân 5mg/ml - 2ml	Tiêm	Dung dịch	Ống	100
126	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Peptide trọng lượng phân tử thấp (LWPs) nguồn gốc từ collagen bò thủy phân 1mg/ml - 10ml	Tiêm	Dung dịch	Ống	100
127	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Peptide trọng lượng phân tử thấp (LWPs) nguồn gốc từ collagen bò thủy phân 2mg/ml - 1ml	Tiêm	Dung dịch	Ống	100
128	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Peptide trọng lượng phân tử thấp (LWPs) nguồn gốc từ collagen bò thủy phân 2mg/ml - 2ml	Tiêm	Dung dịch	Ống	100
129	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Natri hyaluronate trọng lượng phân tử 1 - 1.5 Mda (40mg/2ml), Natri clorid, Natri dihydrogen phosphate dehydrate, Dibasic natri phosphate doecahydrate, nước cất pha tiêm	Tiêm	Dung dịch	Ống	100
130	Chất làm đầy bôi trơn giảm đau, rối loạn chức năng khớp	Natri hyaluronate 2,5% 75mg	Tiêm	Dung dịch	Hộp	100
131	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu	Có 3 khoang khép kín, độc lập, riêng biệt: 01 khoang chứa PRP; 01 khoang chứa Plasma; 01 khoang chứa RBC	Tiêm	Dung dịch	Bộ	200
132	Bộ khăn tổng quát	Làm bằng vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp ≥ 43 gsm (Grams per square Meter) chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Tiêu chuẩn AAMI mức độ 3 hoặc cao hơn Các loại băng keo y tế chất liệu acrylic, co giãn tốt, dính tốt trên da trong thời gian phẫu thuật dài, không gây kích ứng da. Bộ khăn bao gồm: 1. Khăn trải bàn dụng cụ, kích thước: 140cm x 200cm x 01 cái; Vải không dệt, màng film PE xanh 2. Băng keo y tế, kích thước: 9cm x 50cm x 01 cái; Vải không dệt, băng keo y tế 3. Khăn thấm, kích thước: 30cm x 40cm x 04 cái; Vải spunlace 4. Khăn phủ đầu, kích thước: 160cm x 250cm x 01 cái, có phần gia cố bằng vải siêu thấm; Vải không dệt, vải siêu thấm, băng keo y tế 5. Khăn phủ bên, kích thước: 80cm x 90cm x 02 cái, có phần gia cố bằng vải siêu thấm; Vải không dệt, vải siêu thấm, băng keo y tế 6. Khăn phủ chân, kích thước: 180cm x 200cm x 01 cái, có phần gia cố bằng vải siêu thấm; Vải không dệt, vải siêu thấm, băng keo y tế Đóng gói bằng túi ép Tyvek Đạt chứng nhận CE theo luật định EU MDR (class 1S) Sản phẩm được kiểm nghiệm không gây kích ứng da. Được sản xuất theo tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, FDA Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO đạt chuẩn EN ISO 11135:2014			Bộ	1.500
133	Bộ khăn nội soi khớp gối	Sử dụng trong các ca nội soi khớp gối Vải không dệt y tế 6 lớp 47 \rightarrow 50 gsm không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ 3.* Bộ khăn bao gồm: 1. Khăn trải bàn dụng cụ, kích thước: 165cm x 200cm x 01 cái; Vải không dệt, màng Film PE xanh 2. Khăn thấm kích thước: 35cm x 40cm x 04 cái; Vải spunlace 3. Băng keo OP kích thước: 10cm x 50cm x 02 cái; Vải không dệt, băng keo y tế 4. Bao phủ chi kích thước: 23cm x 80cm x 01 cái; Vải không dệt 5. Khăn nội soi khớp gối 2 lỗ kích thước: 240cm x 300cm x 01 cái; Vải không dệt, băng keo y tế. Đóng gói bằng túi ép Tyvek Đạt chứng nhận CE theo luật định EU MDR (class 1S) Sản phẩm được kiểm nghiệm không gây kích ứng da. Được sản xuất theo tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, FDA Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO đạt chuẩn EN ISO 11135:2014			Bộ	500

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng
134	Kim luồn an toàn	1. Kim luồn có cánh có cổng làm bằng PU (Polyurethane) 2. Đầu kim 3 mặt vát, phủ silicone, giảm lực xuyên da 3. Nòng kim không bị xoay vòng nhờ có mấu gắn chặt với catheter 4. Cái gờ ở mặt trên của đốc kim, giúp xác định mặt vát kim đang quay lên. 5. Cơ chế an toàn thụ động không đảo chiều, đầu bảo vệ 2 lớp (lớp kim loại bên trong và lớp nhựa bên ngoài) 6. Buồng chứa máu làm từ polycarbonate. 7. Tiếng tách xác định cơ chế an toàn đã kích hoạt. 8. Ba đường cân quang thiết kế đan xen trong lòng catheter 9. Đường kính ngoài x đường kính trong, vận tốc dòng chảy: 16G: 1.6-1.8mm x 1.2- 1.4mm, V ≥ 162ml/ min 18G: 1.2-1.3mm x 0.9-1.1mm, V ≥ 81ml/ min 20G: 0.9- 1.1mm x 0.7- 0.9mm, V ≥ 49ml/ min 22G: 0.7- 0.9mm x 0.5- 0.7mm, V ≥ 29ml/ min 24G: 0.6- 0.7mm x 0.4 -0.5mm, V ≥ 17ml/ min 10. Không DEHP, LATEX, PVC. 11. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC. 12. Tiệt trùng EO (artwork)"			Cái	2.500
135	Kim chọc dò tủy sống các size 18G 20G, 21G, 22G, 25G, 27G	1. Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng các size 18G, 20G, 21G, 22G, 25G, 27G 2. Đường kính ngoài của kim ngoài từ 1.25mm - 0.41mm, thành kim mỏng cho dòng chảy tốt, Chiều dài mặt vát từ 3.41mm - 1.23 mm. 3. Đường kính ngoài của kim thông nòng là 0.9mm, 0.6mm, 0.5mm, 0.45mm, 0.4mm, 0.3mm, 0.22mm (tương ứng size 18-27G), 4. Đốc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn 5. Tiệt trùng EO 6. Xuất xứ G7 (Nhật Bản) 7. Mã code theo màu sắc để chọn lựa 8. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.			Cái	500
136	Bộ khăn nội soi khớp gối	Sử dụng trong các nội soi khớp gối. Khan được làm bằng vải không dệt SMMMS 45gsm cao cấp, mềm mại, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện Bộ khăn bao gồm: 1. Khăn trải bàn dụng cụ L, kích thước: 140cm x 200cm x 01 cái: Khăn được cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc phòng mổ 2. Khăn thấm, kích thước: 30cm x 40cm x 02 cái: Vải spunlace thấm, thấm hút tốt, mềm mại 3. Băng keo OP, kích thước: 9cm x 50cm x 02 cái: Băng keo y tế, không gây kích ứng da 4. Bao phủ chi, kích thước: 28cm x 85cm x 01 cái: Khăn được làm bằng chất liệu bán thấm, một mặt thấm, một mặt không thấm, đảm bảo độ vô khuẩn tuyệt đối 5. Khăn nội soi khớp gối B: 200/275cm x 270cm x 01 cái: Khăn hình chữ T, được cấu tạo từ vải SMMMS cao cấp 5 lớp, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Vùng phẫu trường với lỗ tròn đường kính 6 cm được cấu tạo từ màng co giãn, dẻo, đảm bảo ôm khít chân bệnh nhân. Có túi chứa dịch lỏng, miệng túi có thanh tựa giúp cố định miệng túi trong quá trình phẫu thuật. Túi có co nổi để xả chất lỏng. 6. Gạc OP cân quang tiệt trùng X-KS4 kích thước 30x30: 5 cái: Gạc phẫu thuật với sợi cân quang được dệt vào trong gạc. Thành phần của gạc: 100% cotton; Sợi cân quang: polystyrene màu đen. Có thể phát hiện khi gạc bị bỏ quên trong cơ thể thông qua hình chụp bằng tia X. Đo lượng máu mất đi trong quá trình phẫu thuật một cách chính xác với trong trong chuẩn (không			Bộ	2.070

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
137	Bộ khăn chính hình tổng quát	Làm bằng vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp 50gsm chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Xung quanh phẫu trường có lớp vải siêu thấm 130gsm. Bộ khăn gồm : 1 x khăn trải bàn dụng cụ L gia cố lớp chống thấm SMMMS 140x200cm, 1 x khăn trải bàn dụng cụ M gia cố lớp chống thấm SMMMS 140x160cm, 4 x khăn thấm 30x40cm, 2 x băng keo y tế 9x50cm, 1 x khăn đa dụng 80x100cm, 1 x khăn chữ U thấm 200 x 290 cm với hình chữ U 12 x 75 cm gia cố vùng siêu thấm dày 130gsm và băng keo y tế xung quanh chữ U (băng keo y tế bằng chất liệu acrylic, mềm mại, dính tốt trên da trong thời gian phẫu thuật dài, không gây kích ứng da), 1 x khăn chữ U 150x220cm (dùng để trải lớp dưới, có băng keo y tế quanh chữ U 12x75cm), 1x khăn phủ ngang 160x260cm (có gia cố vùng siêu thấm tại phẫu trường, có băng keo y tế), 1 x Bao chi dưới 28x85cm, làm từ vải bán thấm 62gsm, vải 2 lớp, lớp bên trong thấm, lớp bên ngoài không thấm. 5x Gạc OP cân quang tiết trùng X-KS4 30 x 30 i: Gạc phẫu thuật với sợi cân quang được dệt vào trong gạc. Thành phần của gạc: 100% cotton; Sợi cân quang: polystyrene màu đen. Có thể phát hiện khi gạc bị bỏ quên trong cơ thể thông qua hình chụp bằng tia X. Đo lượng máu mất đi trong quá trình phẫu thuật một cách chính xác với trọng lượng chuẩn (khoảng 3,3g) trên mỗi miếng gạc (30cm x 30cm). Bút đánh dấu phẫu thuật x 01 cái: Sợi tổng hợp có thành phần chính từ sợi polyester, nhựa Polypropylene, mực có dung môi hòa tan, màu tím được kết hợp giữa propan-2-ol và C.I. Basic Violet 3. Sản phẩm được tiết trùng bằng khí EO theo tiêu chuẩn ISO 1113. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.			Bộ	600
138	Bộ khăn nội soi khớp vai	Làm bằng vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Băng keo y tế chất liệu acrylic, co giãn tốt, dính tốt trên da trong thời gian phẫu thuật dài, không gây kích ứng da. Túi chứa dịch kích thước 65x110cm, 360o nên có thể chứa toàn bộ chất lỏng, miệng túi có thanh kim loại bọc nhựa dùng để định hình túi khi trải khăn, có eo nổi dùng để dẫn dịch lỏng. Bộ khăn gồm: 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 140x200cm, 1 x Khăn nội soi khớp vai có túi chứa dịch 160x230cm, rãnh chữ U 12x60cm, có băng keo y tế quanh chữ U, 2 x Khăn thấm 30x40cm, vải spunlace có độ thấm tốt, mềm mại, 1 x Băng keo y tế 9x50cm, 1 x Bao chi trên 23x60cm, làm từ vải bán thấm, vải gồm 2 lớp, lớp bên trong thấm giúp thông thoáng cho bệnh nhân, lớp bên ngoài không thấm, có độ bảo vệ cao, 5x Gạc OP cân quang tiết trùng X-KS4 30 x 30 i: Gạc phẫu thuật với sợi cân quang được dệt vào trong gạc. Thành phần của gạc: 100% cotton; Sợi cân quang: polystyrene màu đen. Có thể phát hiện khi gạc bị bỏ quên trong cơ thể thông qua hình chụp bằng tia X. Đo lượng máu mất đi trong quá trình phẫu thuật một cách chính xác với trọng lượng chuẩn (khoảng 3,3g) trên mỗi miếng gạc (30cm x 30cm). Bút đánh dấu phẫu thuật x 01 cái: Sợi tổng hợp có thành phần chính từ sợi polyester, nhựa Polypropylene, mực có dung môi hòa tan, màu tím được kết hợp giữa propan-2-ol và C.I. Basic Violet 3. Sản phẩm được tiết trùng bằng khí EO theo tiêu chuẩn ISO 1113. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.			Bộ	600
139	Áo phẫu thuật	Vải không dệt SMMMS chống thấm nước, chống tĩnh điện. 1. Áo phẫu thuật basic kích thước 120x140cm: 01 cái, 2. Khăn thấm 30x40cm: 02 cái vải airlaid có độ thấm tốt, mềm mại. 3. Giấy gói tiết trùng : 01 cái Đạt chuẩn ISO 13485, CE, FDA			Cái	450

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng
140	Bộ khăn sanh mổ	Sử dụng trong các ca sinh mổ. Làm bằng vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp 43gsm chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. Bộ khăn bao gồm: 1. Khăn trải bàn dụng cụ L kích thước: 140 x 200cm x 01 cái: Vải không dệt, màng Film PE xanh 2. Khăn phủ bàn Mayo 2 lớp 120->140cm x 200cm x 01 cái: Vải không dệt, màng film PE xanh 3. Khăn sanh mổ F 170cm x 340cm x 01 cái: chất liệu vải bán thấm, với màng phẫu thuật 30cm x 32 chất liệu PU mỏng dẻo, dính chặt khi phẫu thuật, xung quanh túi có vùng thấm đặc biệt.: Vải bán thấm, vải siêu thấm, màng Film PE trong 4. Khăn thấm: kích thước 30-> 35cm x 40cm x 04 cái: Vải spunlace 5. Khăn em bé 60cm x 90cm x 02 cái: Vải spunlace màu trắng, thấm tốt, mềm mại. 6.. Khăn đa dụng 98cm x 120cm x 01 cái: vải không dệt 7. Gạc OP cân quang tiết trùng X-KS4 30 x 30 x 05 cái: Gạc phẫu thuật với sợi cân quang được dệt vào trong gạc. Thành phần của gạc: 100% cotton; Sợi cân quang: polystyrene màu đen. Có thể phát hiện khi gạc bị bỏ quên trong cơ thể thông qua hình chụp bằng tia X. Đo lượng máu mất đi trong quá trình phẫu thuật một cách chính xác với trọng lượng chuẩn (khoảng 3,3g) trên mỗi miếng gạc (30cm x 30cm). 8. Bút đánh dấu phẫu thuật x 01 cái: Sợi tổng hợp có thành phần chính từ sợi polyester, nhựa Polypropylene, mực có dung môi hệ cồn, màu tím được kết hợp giữa propan-2-ol và C.I. Basic Violet 3. Được sản xuất theo tiêu chuẩn EN ISO 13485-2016. CE Sản phẩm được tiệt trùng.			Bộ	500
141	Bộ khăn sanh thường có túi	Làm bằng vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, 1 x Khăn trải bàn màu S 90x100cm: Khăn được cấu tạo từ màng film PE xanh, 1 x Khăn trải dưới móng có túi chứa dịch 80x120cm: Khăn cấu tạo từ màng film EVA xanh bền không thấm nước, được gia cố vùng thấm hút đặc biệt bằng vải bán thấm 50 x 60 cm, thấm hút nhanh và chống hiện tượng thấm ngược. Có túi chứa dịch với thang đo lượng chất lỏng, thể tích đo được tối đa là 2000 ml, 1x Khăn ướt tiệt trùng 7.5 x 7.5: Khăn ướt từ vải không dệt tẩm ẩm với 100% nước tinh khiết, được đóng gói riêng lẻ, 2 miếng/ gói trong bao bì nhôm và được tiệt trùng, đảm bảo sự vô khuẩn của sản phẩm trước khi sử dụng và ngăn chặn sự bay hơi của nước. Khăn ướt đạt chuẩn "Oeko-Tex Standard 100" nên phù hợp với cả những làn da nhạy cảm. Sản phẩm không chứa cồn và chất tạo mùi. Sản phẩm được sử dụng cho vệ sinh vùng mặt cho trẻ sơ sinh và người lớn, vùng bầu ngực, vùng phụ khoa. 1 x Khăn đa dụng 75x90cm: Được cấu tạo từ vải bán thấm, một mặt thấm, một mặt không thấm, đảm bảo vô khuẩn tuyệt đối, 1 x Khăn em bé 90x120cm: Vải không dệt không gây kích ứng da, mềm mại, thấm hút tốt, tạo cảm giác êm ái cho bé và dễ sử dụng. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO theo tiêu chuẩn ISO 11135. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE			Bộ	270
142	Bộ gậy tê ngoài màng cứng	Bộ khay bao gồm: 3 x Gạc không dệt 8 lớp: 7.5cm x 7.5cm, 5 x Gòn viên: ĐK 3cm, 1 x Kẹp bông sát khuẩn: dài 19cm. Kẹp dính tốt, 1 x Khăn có lỗ tròn 8 cm: 100cm x 100cm, 1 x Khăn trải bàn màu S: 90cm x 100cm, 1 x Khăn thấm: 30cm x 40cm, Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO theo tiêu chuẩn ISO 11135, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE			Bộ	500

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
143	Bộ sản phẩm đón bé chào đời, vô trùng	Bộ sản phẩm đón bé chào đời H001, VT gồm: 1. Áo, mũ, tã, bao tay, bao chân (có in logo áo + nón): 1 bộ, 2. Khăn chóp choàng bé 70x75cm (in logo): 01 cái, 3. Khăn lau tay 25x25x4 lớp : 1 cái, 4. Khăn lau bé 60x80x4 lớp: 1 cái, 5. Khăn ướt tiệt trùng 7.5 x 7.5:1 cái: Khăn ướt từ vải không dệt tằm ấm với 100% nước tinh khiết, được đóng gói riêng lẻ, 2 miếng/ gói trong bao bì nhôm và được tiệt trùng, đảm bảo sự vô khuẩn của sản phẩm trước khi sử dụng và ngăn chặn sự bay hơi của nước. Khăn ướt đạt chuẩn "Oeko-Tex Standard 100" nên phù hợp với cả những làn da nhạy cảm. Sản phẩm không chứa cồn và chất tạo mùi. Sản phẩm được sử dụng cho vệ sinh vùng mặt cho trẻ sơ sinh và người lớn, vùng bầu ngực, vùng phụ khoa.Đã tiệt trùng.Có 2 màu: xanh hoặc hồng			Bộ	1.680
144	Băng gạc tiệt trùng 10x15cm	-Kích thước: Miếng gạc: 5cm x10cm. Phần băng: 10cm x 15cm. Chất liệu: Miếng gạc: vải không dệt sợi nhân tạo rayon polyester, có tính thấm hút cao. Lớp tiếp xúc với vết thương: bề mặt dạng lưới không dính làm từ polyester giúp vết thương không bị dính, giảm đau khi thay băng, Lớp băng: vải không dệt polyester, chất kết dính acrylic, có khả năng chống thấm nước từ bên ngoài. Độ bám dính: 0mm. Lực xé: 10,09N/cm. Khả năng thoát hơi nước (MVTR): 6901g/ (m ² *24 giờ). Khả năng hấp thụ dịch của miếng gạc: 23,5g/100cm ² . Độ pH của miếng gạc: 6,42. Sự phát huỳnh quang của miếng gạc: Không có huỳnh quang. Độ hao hụt khi sấy của miếng gạc: 2,12%. Tiệt trùng bằng khí EO, ISO hoặc TCCL tương đương			Miếng	3.000
145	Băng gạc tiệt trùng 10 x 20cm	Kích thước: Miếng gạc: 5cm x15cm, Phần băng: 10cm x 20cm.Chất liệu: Miếng gạc: vải không dệt sợi nhân tạo rayon polyester, có tính thấm hút cao. Lớp tiếp xúc với vết thương: bề mặt dạng lưới không dính làm từ polyester giúp vết thương không bị dính, giảm đau khi thay băng, Lớp băng: vải không dệt polyester, chất kết dính acrylic, có khả năng chống thấm nước từ bên ngoài. Độ bám dính: 0mm. Lực xé: 5,14N/cm, Khả năng thoát hơi nước (MVTR): 5146g/ (m ² *24 giờ), Khả năng hấp thụ dịch của miếng gạc: 22,7g/100cm ² , Độ pH của miếng gạc: 6,36. Sự phát huỳnh quang của miếng gạc: Không có huỳnh quang. Độ hao hụt khi sấy của miếng gạc: 2,01%. Tiệt trùng bằng khí EO ISO hoặc TCCL tương đương			Miếng	3.000
146	Băng gạc tiệt trùng 10x25cm	Kích thước: Miếng gạc: 5cm x20cm. Phần băng: 10cm x 25cm. Chất liệu: Miếng gạc: vải không dệt sợi nhân tạo rayon polyester, có tính thấm hút cao. Lớp tiếp xúc với vết thương: bề mặt dạng lưới không dính làm từ polyester giúp vết thương không bị dính, giảm đau khi thay băng, Lớp băng: vải không dệt polyester, chất kết dính acrylic, có khả năng chống thấm nước từ bên ngoài. Độ bám dính: 0mm. Lực xé: 7,48N/cm. Khả năng thoát hơi nước (MVTR): 5454g/ (m ² *24 giờ). Khả năng hấp thụ dịch của miếng gạc: 22,8g/100cm ² .Độ pH của miếng gạc: 6,17. Sự phát huỳnh quang của miếng gạc: Không có huỳnh quang. Độ hao hụt khi sấy của miếng gạc: 1,78%. Tiệt trùng bằng khí EO ISO hoặc TCCL tương đương			Miếng	2.000

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng
147	Kềm sinh thiết, dạ dày - đại tràng	Dùng lấy mẫu sinh thiết. Kẹp xoay được 90 độ có thể lấy mẫu sinh thiết lớn. Đầu oval, có răng cưa hoặc không có răng cưa, có 2 lỗ bên. Độ mở ngàm 5-5.8mm. Đường kính dụng cụ 1.8mm-2,4mm. Chiều dài 1200-1600-1800-2000-2300mm. Kênh dụng cụ ống soi tối thiểu 2.0-2.8mm. Dây không bọc nhựa. Tiêu chuẩn CE, ISO			Cái	200
148	Thông lọng cắt polyp Captivator	Dùng cắt Polyp, Dây bền, đường kính ngoài của dây: 0,0165 inch, Dây thiết kế thông minh: bám khối polyp và dễ điều khiển, Hình dạng: hình tròn, Cấu trúc: cắt nóng hoặc cắt lạnh (Hot/Cold), Đường kính 10-15-25mm, Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO			Cái	200
149	Clip cầm máu dùng trong nội soi	Dùng đánh dấu, kẹp cầm máu. Khả năng đóng - mở clip ≥ 10 lần trước khi đóng clip. Tay gắn được thiết kế công thái học để điều khiển bằng 01 tay tạo điều kiện tái định vị hiệu quả và hiệu quả của clip. Thiết kế lõi đặc biệt, xoay 2 bên 360 độ. Độ mở clip: 12-16mm Góc mở: 135 độ Chiều dài: 2300mm, Tương thích kênh dụng cụ ống soi ≥ 2.8 mm. Tiêu chuẩn sử dụng 1 lần. Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485			Cái	800
150	Ngáng miệng, có dây choàng	Ngáng miệng màu xanh loại có dây choàng qua đầu			Cái	200
151	Lọng thắt Polyp	Được sử dụng để điều trị nội soi thủng đường tiêu hóa, hỗ trợ ESD/EMR, kiểm soát chảy máu và thắt polyp. Độ mở loop từ 30-40mm. Tiêu chuẩn ISO 13485			Cái	200
152	Băng dán cố định kim luông trong suốt 6x7,5 cm	Kích thước: 6 x 7,5 cm, MVTR ở màng phim: 776 g / 24 h / m ² , MVTR ở viền của băng: 964 g / 24 h / m ² , Độ kết dính: 2,6 N / 20 mm, Khả năng mở rộng theo hướng dọc của sản phẩm: 1,1 N / 6 mm, Hình dạng góc với các góc tròn, Cửa sổ điều khiển, Đục lỗ, Chiều dài có thể kéo dài, Đệm vô trùng bổ sung, Logo in trên giấy bia			Miếng	2.000
153	Băng dán cố định tĩnh mạch trung tâm trong suốt 9x11 cm	Kích thước: 9 x 11 cm. MVTR ở màng phim: 2377 g / 24 h / m ² . MVTR ở viền của băng: 1298 g / 24 h / m ² . Độ kết dính: 2,4 N / 20 mm. Có thể co giãn theo hướng dọc của sản phẩm: 0,8 N / 6 mm. Hình dạng liền dụng. Giấy bạc với ứng dụng kết dính xốp. Cửa sổ điều khiển. Laminate lá không dẹt lớn. Cố định bộ đệm với vết rạch hình chữ V (dạng chữ cấp bằng sáng chế). Chiều dài có thể kéo dài. Đệm vô trùng bổ sung. Logo in trên giấy bia			Miếng	2.000
154	Dụng cụ cố định nội khí quản có chống cắn	Sản phẩm bao gồm các thành phần sau: Hai miếng dán cố định hai bên má bệnh nhân, băng chất liệu hydrocolloid có độ pH giống như da, không gây dị ứng. Băng cố định vùng gáy. Phần cố định nội khí quản, có thể di chuyển được. Có bộ phận chống cắn ống nội khí quản. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, FDA			Cái	200
155	Dụng cụ cố định ống thông đứng thẳng 9782	Cố định ống thông - ống dẫn lưu theo hướng thẳng đứng ngay tại lỗ thông hoặc cách xa lỗ thông. Dụng cụ vô trùng, có thể sử dụng ngay trong phòng mổ. Thời gian sử dụng từ 5 - 7 ngày. Cố định được ống có kích thước từ 5 - 40 Fr. Bảo vệ da xung quanh lỗ thông, tránh gây loét tại lỗ thông. Bộ cố định có thể điều chỉnh khi cần thiết. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, FDA			Cái	200

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
156	Thiết bị phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch	Máy tạo áp lực ngắt quãng trong phòng ngừa huyết khối. Kích thước máy: 23.0 x 22.6 x 19.6 cm. Nặng 3.8 kg. Cảm ứng thông minh với 1 nút điều khiển. Hai chế độ bơm hơi cảm ứng bao chi: cố định 40mmHg và tuần tự 45-35-20 mmHg, Kiểm soát áp lực theo thời gian thật và tự động ngắt khi có cảnh báo. Màn hình LCD với các biểu tượng giám sát áp suất, bảo động, thời gian, bao chi và nhật ký Đèn LED 2 trên và dưới máy báo hiệu các cảnh báo Pin Lithium 12 giờ, thời gian sạc Hệ thống dây dẫn và dây nguồn rút gọn			Cái	500
157	Bộ bao chi áp lực phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch dùng cho máy Flowtron ACS900, dạng 1 khoang, 43cm/17in	Bao chi bắp chân <43 cm phòng ngừa huyết khối, dạng 1 khoang Chất liệu Airflow Light, chỉ số thoáng khí 12.5m ² Pa/W, chỉ số giảm nhiệt TOG 0.8. Lực nén 40 -65 mmHg/ 12 giây trong chu kỳ 60 giây. Dùng với hệ thống máy tạo áp lực ngắt quãng Flowtron ACS 900			Đôi	500
158	Bộ bao chi áp lực phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch dùng cho máy Flowtron ACS900, dạng 1 khoang, 71cm/28in	Bao chi đùi <71 cm, phòng ngừa huyết khối, dạng 1 khoang Chất liệu Airflow Light, chỉ số thoáng khí 12.5m ² Pa/W, chỉ số giảm nhiệt TOG 0.8. Lực nén 40 -65 mmHg/ 12 giây trong chu kỳ 60 giây. Dùng với hệ thống máy tạo áp lực ngắt quãng Flowtron ACS 900			Đôi	500
159	Băng keo có gác vô trùng 7x5cm	Khả năng hấp thụ dịch: 15+5 g/100cm ² . Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/(m ² x24h). Vải không dệt: polyester, màu trắng. Chất kết dính: polyacrylate. Lực kết dính: 2,5 - 1/+2 N/20mm (đo nội bộ). Miếng gác: viscose, polypropylene and polyethylene. Lớp tiếp xúc vết thương: polyethylene. Giấy bọc: silicone paper, màu trắng. Lớp tiếp xúc vết thương: 100 % polyurethane, thân thiện với da. Khả năng hấp thụ dịch: 15+5 g/100cm ² . Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide tuân theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11135-1. Kích thước: 7x5 cm			Miếng	2.500
160	Băng keo có gác vô trùng 8x10cm	Khả năng hấp thụ dịch: 15+5 g/100cm ² . Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/(m ² x24h). Vải không dệt: polyester, màu trắng. Chất kết dính: polyacrylate. Lực kết dính: 2,5 - 1/+2 N/20mm (đo nội bộ). Miếng gác: viscose, polypropylene and polyethylene. Lớp tiếp xúc vết thương: polyethylene. Giấy bọc: silicone paper, màu trắng. Lớp tiếp xúc vết thương: 100 % polyurethane, thân thiện với da. Khả năng hấp thụ dịch: 15+5 g/100cm ² . Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide tuân theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11135-1. Kích thước: 8x10 cm			Miếng	1.000
161	Băng keo có gác vô trùng 10x20cm	Khả năng hấp thụ dịch: 15+5 g/100cm ² . Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/(m ² x24h). Vải không dệt: polyester, màu trắng. Chất kết dính: polyacrylate. Lực kết dính: 2,5 - 1/+2 N/20mm (đo nội bộ). Miếng gác: viscose, polypropylene and polyethylene. Lớp tiếp xúc vết thương: polyethylene. Giấy bọc: silicone paper, màu trắng. Lớp tiếp xúc vết thương: 100 % polyurethane, thân thiện với da. Khả năng hấp thụ dịch: 15+5 g/100cm ² . Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide tuân theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11135-1. Kích thước: 10x20 cm			Miếng	200

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
162	Băng keo có gác vô trùng trong suốt 7x5cm	Khả năng hấp thụ: 15+-5 g/100cm ² . Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m ² . Tính chất: Trong suốt và không thấm nước, Thoáng khí, Chống vi khuẩn xâm nhập từ bên ngoài, Kháng các chất khử trùng thông thường, Độ bám dính an toàn, vừa vận chính xác, Để lại ít bã, ít đau khi bóc, Nguy cơ dính vào vết thương thấp, Thích hợp cho da nhạy cảm. Lực kết dính: 2 -0,5 / +1 N/10mm (đo nội bộ), Hàng rào chống virus: Có, Chống kích ứng: Keo polyacrylate ít gây dị ứng, Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide tuân theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11135-1. Kích thước: 7x5 cm			Miếng	2.600
163	Băng keo có gác vô trùng trong suốt 8x10cm	Khả năng hấp thụ: 15+-5 g/100cm ² . Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m ² . Tính chất: Trong suốt và không thấm nước, Thoáng khí, Chống vi khuẩn xâm nhập từ bên ngoài, Kháng các chất khử trùng thông thường, Độ bám dính an toàn, vừa vận chính xác, Để lại ít bã, ít đau khi bóc, Nguy cơ dính vào vết thương thấp, Thích hợp cho da nhạy cảm. Lực kết dính: 2 -0,5 / +1 N/10mm (đo nội bộ). Hàng rào chống virus: Có. Chống kích ứng: Keo polyacrylate ít gây dị ứng. Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide tuân theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11135-1. Kích thước: 8x10 cm			Miếng	625
164	Băng keo có gác vô trùng trong suốt 10x15cm	Khả năng hấp thụ: 15+-5 g/100cm ² . Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m ² . Tính chất: Trong suốt và không thấm nước, Thoáng khí, Chống vi khuẩn xâm nhập từ bên ngoài, Kháng các chất khử trùng thông thường, Độ bám dính an toàn, vừa vận chính xác, Để lại ít bã, ít đau khi bóc, Nguy cơ dính vào vết thương thấp, Thích hợp cho da nhạy cảm. Lực kết dính: 2 -0,5 / +1 N/10mm (đo nội bộ). Hàng rào chống virus: Có. Chống kích ứng: Keo polyacrylate ít gây dị ứng. Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide tuân theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11135-1. Kích thước: 10x15 cm			Miếng	100
165	Băng keo có gác vô trùng trong suốt 10x20cm	Khả năng hấp thụ: 15+-5 g/100cm ² . Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m ² . Tính chất: Trong suốt và không thấm nước, Thoáng khí, Chống vi khuẩn xâm nhập từ bên ngoài, Kháng các chất khử trùng thông thường, Độ bám dính an toàn, vừa vận chính xác, Để lại ít bã, ít đau khi bóc, Nguy cơ dính vào vết thương thấp, Thích hợp cho da nhạy cảm. Lực kết dính: 2 -0,5 / +1 N/10mm (đo nội bộ). Hàng rào chống virus: Có. Chống kích ứng: Keo polyacrylate ít gây dị ứng. Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide tuân theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11135-1.. Kích thước: 10 x 20 cm			Miếng	100

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
166	Băng keo có gác vô trùng trong suốt 10x25cm	Khả năng hấp thụ: 15+5 g/100cm ² . Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m ² . Tính chất: Trong suốt và không thấm nước. Thoáng khí. Chống vi khuẩn xâm nhập từ bên ngoài. Kháng các chất khử trùng thông thường. Độ bám dính an toàn, vừa vặn chính xác. Để lại ít bã, ít đau khi bóc. Nguy cơ dính vào vết thương thấp. Thích hợp cho da nhạy cảm. Lực kết dính: 2 -0,5 / +1 N/10mm (do nội bộ). Hàng rào chống virus: Có. Chống kích ứng: Keo polyacrylate ít gây dị ứng. Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide tuân theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11135-1. Kích thước: 10 x 25 cm			Miếng	100
167	Bộ xilanh 200ml dùng cho máy bơm cân quang hai nòng	Bộ xilanh 200ml dùng cho máy bơm thuốc cân quang hai nòng OptiVantage. Một bộ sản phẩm đóng gói gồm: 2 xilanh 200ml đường kính 4,11cm dài 21,8cm bằng chất liệu PP trong suốt kèm piston bằng nhựa ABS không chứa DEHP với đầu bọc cao su tổng hợp màu đen; 2 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE có đường kính trong 3.95mm; 1 dây nối áp lực cao chữ Y bằng PC và PVC dài 150cm với hai van một chiều, bộ dây nối có đường kính trong và ngoài lần lượt là 1,9mm và 3,35mm. Chịu áp lực cao 350psi, luer lock, nạp thuốc bằng ống hút nhanh. Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm, có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được mỗi thuốc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA. Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O.			Bộ	200
168	Bao chỉ gói dùng cho máy chống truyền tác huyết khối	Bao chỉ gói (48cm/19") dùng cho máy chống truyền tác huyết khối VenaFlow Elite. Bao chỉ làm bằng vải không dệt, không có chất cao su, mềm nhẹ, mát và không kích ứng da, dễ mang, tạo sự thoải mái tối đa cho người bệnh. Bao chỉ được thiết kế đặc biệt có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân dưới đầu gối. Máy sử dụng bao chỉ cho phép tùy chọn 2 cơ chế nén hơi tạo áp lực: Nén tức thời (nén nhanh), hoặc Nén ngắt quãng tuần tự (nén chậm); tự nhận biết loại bao chỉ đang sử dụng. Đạt áp lực nén trong thời gian dưới 0,5 giây. Tạo áp lực đỉnh ban đầu là 73mmHg +/-15% (xa tim) và 63mmHg +/- 15% (gần tim). Áp lực giữ là 45mmHg ±10%, thời gian giữ 6 giây.			Đôi	1.000
169	Bộ Cassette chứa dịch giảm đau loại dung tích 300ml	Bộ chứa dịch giảm đau dùng một lần, bao gồm: 01 Hộp nhựa có màu (tránh ánh sáng), có vách ngăn, cung cấp tối thiểu các loại có các dung tích 50ml, 100ml, 150ml, 200ml, 300ml. 01 Miếng chèn kẹp, 01 kẹp, lò xo nén kẹp chống rò rỉ dịch. 01 Khóa đóng mở dòng chảy, 01 Dây truyền dịch chiều dài ≥ 100cm có bộ phận lọc không khí, van chống chảy ngược. Có thể cung cấp máy giảm đau sử dụng pin dùng một lần, có nút ấn điều chỉnh thông số bằng cơ học cài đặt dễ dàng tránh sai sót, độ chính xác ≤6% Giao diện đáp ứng tối thiểu tính năng truyền PCA (Continuous), truyền tự động ngắt quãng (Intermittent), truyền theo thời gian (Timed).			Bộ	500

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
170	Bao chi dài dùng cho máy chống thuyên tắc huyết khối	Bao chi dài (74cm/29") cho máy chống thuyên tắc huyết khối VenaFlow Elite. Bao chi làm bằng vải không dệt, không có chất cao su, nên nhẹ, mát và không kích ứng da, dễ mang, tạo sự thoải mái tối đa cho người bệnh. Bao chi được thiết kế đặc biệt có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân và phần đùi. Máy sử dụng bao chi cho phép tùy chọn 2 cơ chế nén hơi tạo áp lực: Nén tức thời (nén nhanh), hoặc Nén ngắt quãng tuần tự (nén chậm); tự nhận biết loại bao chi đang sử dụng. Đạt áp lực nén trong thời gian dưới 0,5 giây. Tạo áp lực đỉnh ban đầu là 73mmHg +/-15% (xa tim) và 63mmHg +/- 15% (gần tim). Áp lực giữ là 45mmHg ±10%, thời gian giữ 6 giây.			Đôi	500
171	Bộ chứa dịch giảm đau dùng một lần	Bộ chứa dịch giảm đau dùng một lần, bao gồm: 01 Hộp nhựa có màu (tránh ánh sáng), có vách ngăn, đựng túi chứa dịch có thể cung cấp tối thiểu các loại có các dung tích 50ml, 100ml, 150ml, 200ml, 300ml. 01 Miếng chèn kẹp, 01 kẹp, lò xo nén kẹp chống rò rỉ dịch. 01 dây truyền dịch chiều dài ≥ 100cm, có khóa đóng mở dòng chảy, bộ phận lọc không khí, van chống chảy ngược. Có thể cung cấp máy giảm đau sử dụng pin dùng một lần, có nút ấn vật lý dễ dàng cài đặt và điều chỉnh thông số, đáp ứng tối thiểu tính năng truyền PCA (Continuous), truyền tự động ngắt quãng (Intermittent), truyền theo thời gian (Timed). Sử dụng được cho máy bơm tiêm giảm đau Medsure			Bộ	500
172	Băng cá nhân vải Urgo	Băng: Vải co giãn, Gạc: Màu trắng, phủ bởi lớp lưới polyethylene không gây dính, Được đựng trong từng bao riêng			Miếng	5.100
173	Băng keo giấy 2,5cm x 5m	Băng: không đàn dặt bằng polyester, co giãn. Keo: acrylic.			Cuộn	1.000
174	Băng thun 4 in	Làm từ sợi sợi cotton se tròn, polyester và cao su thiên nhiên. Độ co giãn cao, từ 180% đến 200% so với kích thước ban đầu. Mềm mại, độ bền cao, thoáng mát, không gây kích ứng cho người sử dụng			Cuộn	600
175	Bơm tiêm 10ml	Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.			Cái	24.000
176	Bơm tiêm 20ml	Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.			Cái	3.200
177	Bơm tiêm 50ml đầu to (ăn)	Nhựa PP, Thép không gỉ, Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế, Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.			Cái	5.000
178	Bơm tiêm 5ml	Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.			Cái	26.000
179	Bơm tiêm nhựa 1ml	Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.			Cái	20.000
180	Bông 10g	Bông y tế là sản phẩm được sản xuất theo công nghệ xử lý màng bông Spunlace, bông mịn sạch tinh tế, giúp hạn chế tối đa xơ thừa dính trên bề mặt vết thương.			Gói	6.000
181	Bông 100g	Sản phẩm được sản xuất từ 100% bông xơ tự nhiên, không lẫn tạp chất và không pha poly. Công nghệ tiệt trùng E.O.Gas đối với những sản phẩm dùng trong phẫu thuật.			Gói	4.500
182	Cồn 70 độ 1500ml	Thành phần: Hàm lượng ethanol 70%, dung dịch lỏng, không màu	Dùng ngoài	Dung dịch	Chai	200

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
183	Cồn 70 độ 30ml	Thành phần: Hàm lượng ethanol 70%, dung dịch lỏng, không màu	Dùng ngoài	Dung dịch	Lọ	600
184	Dây truyền dịch	Dây dẫn: Dài $\geq 1,8m$, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC có độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng. Thử nghiệm tan huyết $\leq 10\%$ theo BP 2022. Độ tinh và chất gây sốt đạt theo ISO 10993-11. Đường kính trong dây: 3.1 mm, ngoài dây 4.2 mm. Độ bền kéo $\geq 15N$ theo TCVN 6591-4. Cổng tiêm thuốc chữ Y an toàn, latex free, đầu nối luer lock. Kim xuyên nút chai: làm từ nhựa ABS nguyên sinh. Có cổng thông khí. Kim: 18G-27G theo yêu cầu. Tiệt trùng E.O. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485			Bộ	5.000
185	Sonde dạ dày có khóa và không khóa các số	Ống có nắp gắn vào đầu nối chống lây nhiễm và có cản quang dọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp. Không chứa DEHP. Có 4 lỗ dẫn lưu so le nhau để tăng tốc độ dòng. Có các vạch đánh dấu 45,55,65 và 75cm từ đầu xa. Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn. Kích cỡ: 8FG (OD/ID=2.65/1.5mm), 10FG (OD/ID=3.35mm/2.0mm), 12 FG (OD/ID=4.0mm/2.45mm), 14FG (OD/ID = 4.65mm/2.95mm), 16 FG (OD/ID=5.35mm/3.40mm), 18FG (OD/ID=6.0mm/3.9mm). Chiều dài $\geq 125cm$. Tiêu chuẩn ISO hoặc CE			Cái	200
186	Dung dịch muối 0,9% 1000ml	Sodium Chloride 0.9%. Aqua (Water) 99.1%	Dùng ngoài	Dung dịch	Chai	3.000
187	Dung dịch muối 0,9% 500ml	Sodium Chloride 0.9%. Aqua (Water) 99.1%	Dùng ngoài	Dung dịch	Chai	9.000
188	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock. Khóa bảo vệ: cap connector. Đường kính trong: 1.0 mm. Đường kính ngoài: 2.8 mm. Thể tích mỗi dịch: 2.1ml Đầu nối Luer lock không rỉ dịch, chịu áp lực cao, phù hợp các loại máy bơm truyền dịch. Chất liệu PVC, Không có chất DEHP. Không chứa Latex. Độ dài của dây nối $\geq 140cm$. Sản phẩm tiệt trùng bằng EO. Đóng gói từng cái riêng biệt.			Cái	420
189	Gạc vô trùng 10cm x 20 cm	Nguyên liệu: Vải không dệt hút nước; Bông hút nước 100% cotton, màu trắng. Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa 2 lớp gạc (vải không dệt hút nước). Tốc độ hút nước: ≤ 8 s. Khả năng giữ nước: ≥ 10 g nước/g bông. Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính. Độ ẩm: $\leq 8\%$. Sản phẩm được đóng trong bao tiệt trùng dùng trong y tế có chỉ thị màu, tiệt trùng bằng khí EO.			Cái	3.000
190	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm*40cm*6 lớp	Gạc phẫu thuật ổ bụng, 6 lớp, tiệt trùng. Sản xuất từ Vải dệt hút nước 100% cotton, Không có độc tố, Không chứa chất gây dị ứng. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng khí EO. Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$. Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc. Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s. Hàm lượng chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$. Hàm lượng chất béo $< 0,1\%$. Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính. Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Chất màu: Dịch chiết không màu			Cái	600
191	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp, VT	Vải dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế). Tiệt trùng bằng khí EO. Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$. Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc, Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s, Hàm lượng chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$, Hàm lượng chất béo $< 0,1\%$, Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính, Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. chất màu: Dịch chiết không màu			Cái	4.500

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng
192	Gạc tiệt trùng 5 x 7 x 8 lớp	Vải dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế). Tiệt trùng bằng khí EO. Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) ≤ 8%. Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc, Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s, Hàm lượng chất tan trong nước: ≤ 0,5%, Hàm lượng chất béo < 0,1%, Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính, Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. chất màu: Dịch chiết không màu			Cái	5.000
193	Gạc Vaseline	Gạc không thấm được tẩm vaseline dùng để băng vết thương hở.			Miếng	6.000
194	Khẩu trang y tế	Cấu tạo có 3 lớp, Chất liệu: vải không dệt không hút nước. Lớp vi lọc thấu khí không thấm nước, dây đeo có tính đàn hồi và thanh nẹp mũi bằng nhựa hoặc kim loại. Đóng gói từng cái một, đã tiệt trùng bằng EO Gas.			Cái	6.000
195	Găng tay y tế các cỡ	Găng tay cao su y tế có bột dài ≥ 240mm, trọng lượng 5.0g (M), thành phần Latex cao su tự nhiên, chất dẻo, chất lưu hóa, bột bấp biến tính 70 ± 10 (XS), 80 ± 10 (S), 90 ± 10 (M), 110 ± 10 (L), XL ≥ 111 (XL).			Cái	4.500
196	Kim bướm các số	Silicon, nhựa PVC không mùi. Kim cánh bướm sử dụng 1 lần, được khử trùng bằng khí E.O. Kim chất lượng cao, sắc nhọn hạn chế cảm giác đau cho bệnh nhân khi luồn kim. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh + Silicon, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gây gập vô trùng - không độc - không gây sốt. Cánh gấp linh hoạt và có các kích cỡ kim khác nhau dành cho người lớn và trẻ nhỏ, dễ dàng phân biệt; Kích cỡ 23G (màu xanh biển đậm). Có đầu vít để nối với dây truyền dịch. Tiệt trùng bằng khí EO. Gas			Cái	4.000
197	Mask khí dung	Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2m, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. Các cỡ: M, L, XL. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)			Cái	300
198	Nẹp gối	Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Size: S, M, L, XL			Cái	500
199	Sát khuẩn vết thương Oxy già 3%	Hydrogen peroxide 3%			Chai	1.500
200	Rửa vết thương Povidone 10% (100ml)	Povidon iodine 10%			Lọ	2.500
201	Rửa vết thương Povidone 10% (20ml)	Povidon iodine 10%			Lọ	6.000
202	Băng thun có keo 10cm x 4,5m	Băng: làm bằng cotton co giãn; keo: là oxyt kẽm không dùng dung môi, có lớp giấy lót bảo vệ			Cuộn	4.500
203	Dụng cụ hoạt hóa huyết tương giàu tiểu cầu	Dụng cụ hoạt hóa cơ học giả mao mạch: bằng nhựa tổng hợp, cấu trúc hình trụ tròn, đường kính trong khoảng 2mm, được ghép nối với nhau và có thể tháo rời. Gồm ba đường dẫn máu, uốn theo góc từ khoảng 110 - 135 độ ở phần giữa trục. Bộ vật tư tiêu hao hỗ trợ thu nhận huyết tương (đi kèm) bao gồm: 01 kim lấy máu cánh bướm vô trùng, gắn với giá đỡ kim, 01 holder, 02 miếng alcohol pad, 01 miếng băng dán cá nhân, 04 kim tiêm 10m, 01 kim dài 10cm vô trùng, 03 ống lấy máu chân không có sẵn chất chống đông máu Sodium citrate, vô trùng (nắp xanh dương) thu PRP, 01 màng lọc vô trùng, 01 đầu nối vô trùng			Cái	200

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
204	Chỉ phẫu thuật MONOCRYL số 4/0, dài 45cm, kim tam giác ngược PRIME 16mm, 3/8C	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 4/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược PRIME PS-3, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 16mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 7 ngày 20% sau 14 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 90 - 120 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.			Tép	500
205	Chỉ phẫu thuật MONOCRYL số 5/0, dài 45cm, kim tam giác ngược PRIME 16mm, 3/8C	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 5/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược PS-3 Prime bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 16mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 7 ngày 20% sau 14 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 90 - 120 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.			Tép	500
206	Kim gây tê tủy sống số 29	Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 3 1/2" G29, sắc bén, Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra			Cái	2.500
207	Kim chọc dò tủy sống các số	Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 3 1/2" G 18 - 27, sắc bén, Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra			Cái	2.500
208	Test thử nước tiểu 11 thông số	Kết quả nhanh chóng, trực quan. Độ chính xác và độ tái lập cao. Không can thiệp vào các điều kiện khác nhau. Phương pháp đo quang phổ bằng các máy phân tích nước tiểu cùng dòng, có bước sóng 460 nm và 550 nm, 650 nm. Có thể đọc bằng mắt. Kết quả nhanh chóng (tất cả các dải test được đọc cùng một lúc, từ 1-2 phút sau khi nhúng). Kích thước: 5 mm (chiều rộng) x 115 mm (chiều dài) x 0.9 (chiều cao). Trọng lượng: 0.398g. Phân loại: bán tự động. Chống ẩm tốt. Thời hạn sử dụng: 24 tháng. Màu sắc bất thường của nước tiểu có thể được báo cáo. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016. Được chứng nhận MFDS (KFDA)			Test	4.500
209	Thẻ thu mẫu làm xét nghiệm H.pylori	Thông tin chung. Tên: Thẻ lấy mẫu để làm hơi thở : Collection Card. Hãng sản xuất: Headway. Bộ thẻ nhựa dùng 1 lần được đóng gói nilong. Nhiệt độ bảo quản: <30 độ. Trọng lượng: 13-14g. Kích thước: 115mm x 61mm x 45 x 10mm. Trên thẻ có chỉ thị màu (dùng để đánh giá lượng mẫu). Hộp: 40 bộ. Chức năng và nhiệm vụ của thẻ thu mẫu để làm xét nghiệm H.pylori. Dùng để thu mẫu khí CO2 để cho máy phân tích H.Pylori			Cái	4.000
210	Chỉ Monosyn Violet 4/0 (1,5) 70cm HR22(M)RCP	Monosyn là chỉ phẫu thuật tự tiêu vô trùng tổng hợp sợi đơn được làm từ copolymer có thành phần 72% glycolide, 14% ε-Caprolactone và 14% trimethylene cacbonat.			Tép	500
211	Chỉ Monosyn Violet 5/0 (1) 70cm HR17 (M).RCP	Chỉ phẫu thuật tự tan monosyl 5/0 là chỉ tan tổng hợp sợi glyconate 72% glycolic + 14% caprolacton + 14% trimethylene, màu tím số 5/0. dài 70cm, kim tròn HR22 phủ silicone 1/2C dài 22mm.			Tép	500
212	Miếng dán điện cực đơn cực, lưỡng cực dùng 1 lần	Điện cực trung tính dạng đơn, dùng cho người lớn >15kg. Thiết kế hình chữ nhật. Kích thước: 215 x 104 mm. Tổng diện tích tiếp xúc: 207cm ² . Tổng diện tích dẫn điện: 134 cm ² . Hạn dùng của sản phẩm: 24 tháng. Sản xuất bằng vật liệu đáp ứng tiêu chuẩn hạn chế các chất nguy hiểm trong các thiết bị điện và điện tử. Tuân thủ các quy định liên quan đến việc sử dụng các hóa chất độc hại, có ảnh hưởng đến con người và môi trường. Đạt chuẩn ISO 13485+CE.			Cái	2.000
213	Co nối (đầu nối con sâu)	Chiều dài ống ≥ 15cm, Co nối xoay 360 độ, có cổng hút dịch và lấy mẫu khí có nắp đậy kép, Co nối kết nối ống nội khí quản 22M/15F, Co nối kết nối dây thở 22F			Cái	5.000

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
214	Gel giảm đau bôi khớp, thần kinh	Nước; Alcohol; PPG-1-PEG-9 Lauryl Glycol Ether; Menthol; Tinh dầu Bạc Hà; Propylene Glycol; Chiết xuất lá Đuôi Ngựa; Chiết xuất cây Vuốt Quý; Long Não; Đất Sét xanh; Carbomer; Tinh dầu Hương Thảo; Tinh dầu Trâm Gió; Tinh dầu Hùng Tây; Sodium Hydroxide; CI42090.	Bôi ngoài da	Gel	Tuýp	500
215	Dung dịch xịt mũi vệ sinh, diệt khuẩn	Sodium Chloride 1.4%, Dexpanthenol, Magnesium chloride hexahydrate, Potassium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Glycerin, Sodium hydroxide, Ethylenediaminetetraacetic acid, Benzalkonium chloride nước tinh khiết	Xịt mũi	Dung dịch	Chai	300
216	Dung dịch súc họng điều trị viêm họng, loại bỏ bám trên răng, kháng khuẩn	Chlohexidine digluconate 0.12%, Sorbitol, Glycerin, Cremophor RH40, Sodium flouride(0.05%), Acid acetic, Natri hydroxide, Saccharin sodium, Menthol, Eugenol, Riboflavin, Fragrance, Nước tinh khiết.	Súc họng	Dung dịch	Chai	300
217	Gel hỗ trợ ngăn ngừa ung thư cổ tử cung	Panthenol, Cocos Nucifera Oil, Melida Azadirachta Seed oil, Cera Alba, Cera Microcristallina, Tocopheryl Acetat, Lactic Acid	Dùng ngoài	Nhũ tương	Hộp	500
218	Kem bôi tăng độ ẩm vùng kín	Nước tinh khiết, Glycerin, Olea Europaea Fruit Oil, Arginine, Peg-20 Stearate, Phenoxyethanol, Acrylates/C 10-30, Alkyl Acrylate Crosspolymer, Caprylyl Glycol, Ethyhexylglycerin, Calendula Officinalis Flower Extract, Hypericum Perforatum Extract, Vitex Agnus Castus Extract.	Dùng ngoài	Cream	Tube	500
219	Viên đặt hỗ trợ giảm nhẹ kích ứng phụ khoa	Nước tinh khiết, Xanthan gum, Hard fat, Polyoxyethylen (25) cetyl stearyl ether, Glyceryl ricinoleate, Prunus amygdalonus dulcis oil, Argania spinosa kernel oil, Phenoxyethanol, Ethylhexylglycerin.	Đặt âm đạo	Viên đạn	Hộp	1.000
220	Bộ khăn chụp mạch vành A	TD02-11A, 1 x Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng 150x180cm (Tấm nylon trong), 1 x Bao kính chắn chì, có thun 75x100cm, 1 x Tấm phủ chắn chì 140x150cm, 1 x Bao chụp đầu đèn phi 65cm, 1 x Khăn lót 50x60cm, 1 x Bao đựng Remote 10x26cm, 1 x Khăn can thiệp mạch/ chụp mạch 240x390cm 2 lỗ đùi và 1 lỗ tay, 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 200x240cm			Bộ	500
221	Bộ khăn can thiệp mạch (3 lỗ) kèm 2 áo phẫu thuật	TD02-A06: 1X Khăn trải bàn dụng cụ 200x240cm, 12X Khăn thấm 30x40cm, 1X Bao chụp đầu đèn Ø65cm, 1X Bao kính chắn chì 75x100cm có thun, 1X Tấm phủ chắn chì 140x150cm, 1X Tấm phủ chắn chì 150x180cm, 1X Bao đựng Remote 10*26cm, 2X Áo phẫu thuật L			Bộ	300
222	Bộ khăn chụp mạch vành	TD02-C06, 1 x Khăn trải bàn 140x200cm, 1 x Khăn chụp mạch vành 240x440cm, tử vải không dệt 5 lớp 43gsm trở lên, chống cồn, chống tĩnh điện, 1 x Bao kính chắn chì, có bo chun kích thước 100x190 cm, 2 x Khăn không keo thấm 15x60cm, 1 x chén nhựa 500ml, 1 x chén nhựa 250ml, 1 x chén nhựa 100ml, 1 x khay nhựa 37x27x7cm, 1 x Bao chụp đầu đèn đường kính 60cm, 1 x kẹp gôn 19cm, Chì thị màu được tích hợp trên từng sản phẩm, Tiêu chuẩn ISO 13485, CE			Bộ	500
223	Bộ khăn đặt buồng tiêm dưới da	TD02-C05: 1 x Khăn trải bàn 140x200cm, 1 x Khăn đặt buồng tiêm vải không dệt 6 lớp SSMMS 50gsm, Chì thị màu được tích hợp trên từng sản phẩm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE			Bộ	700
224	Bộ khăn tiểu phẫu	TD07-C02: 1 x Khăn trải bàn có màu S, kích thước: 90x100cm, 1 x khăn có lỗ có keo 10cm vải không dệt 6 lớp SSMMS 50gsm, 1 x kéo kocher 14cm, 1 x chén nhựa 250ml, Chì thị màu được tích hợp trên từng sản phẩm. Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm: ISO 13485, CE			Bộ	500

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
225	Áo phẫu thuật (size L)	TAPTL-CC02, Kích thước 160x135cm, chất liệu SMMMS 50gsm trở lên. Chì thị màu được tích hợp trên từng sản phẩm, Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm: ISO 13485, CE			Bộ	700
226	Bộ khăn chụp mạch não	TD02-A22 Khăn chụp mạch vành/ can thiệp 3 lỗ x 1 cái (240 x 390cm), Khăn thấm x 12 cái (30x40 cm), Áo phẫu thuật x 4 cái (size L), Tăm phủ chẩn chỉ x 1 cái (150x180 cm), Bao chụp đầu đèn x 2 cái (Φ65), Khăn lót có 2 lỗ x 1 cái (150x150 cm), Khăn lót tay x 1 cái (50x60 cm), Chén nhựa 100ml x 2 cái, Chén nhựa xanh 1000ml x 2 cái, Khay nhựa x 1 cái (44 x 36 x 11 cm), Khăn trải bàn dụng cụ x 1 cái (200 x 260 cm), Kẹp sát khuẩn x 1 cái., Bao kính chẩn chỉ 75x100 x 1 cái			Bộ	500
227	Bộ khăn gậy mê tùy sống	1 x Khăn trải bàn màu 90x120cm, 2 x Khăn thấm 40x57cm, 5 x Gòn viên phi 3cm, 3 x gạc y tế 8 lớp, 1 x Khay 3 ngăn, 1 x Kéo Kocher, 1 x Khăn có lỗ 100x100cm, (Không bụi vải, chống thấm máu cồn và chống tĩnh điện)			Bộ	400
228	Bộ khăn nội soi khớp gối	1 x Khăn trải bàn dụng cụ cấu tạo từ 2 lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp (hoặc tương đương). Cả 2 lớp đều không thấm nước bảo đảm nguyên tắc phòng mổ, 1 x Khăn nội soi khớp gối hình chữ T, được cấu tạo từ vải SMMMS cao cấp 5 lớp (hoặc tương đương) không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Vùng phẫu trường với lỗ tròn đường kính 6cm được cấu tạo từ màng co giãn, dẻo, đảm bảo ôm khít chân bệnh nhân. Có túi chứa dịch lỏng, miệng túi có thanh tựa giúp cố định miệng túi trong quá trình phẫu thuật. Túi có co nổi để xả chất lỏng			Bộ	1.000
229	Bộ khăn tổng quát	1 x Khăn phủ bàn dụng cụ 165x200cm cấu tạo 2 lớp bằng nhựa PE màu và vải SMS 47 gsm, 1 x Khăn phủ trên đầu 160 x 250cm dùng vải SMS 47 gsm có vùng vải siêu thấm, 1 x Khăn phủ chân 160 x 200cm dùng vải SMS 47 gsm có vùng vải siêu thấm, 2 x Khăn phủ bên 80 x 90cm dùng vải SMS 47 gsm có vùng vải siêu thấm, 2 x Khăn thấm 40x57cm vải spunlace, 1 x Bảng keo dính OP 10x50cm, (Không bụi vải, chống thấm máu, cồn và chống tĩnh điện). Hoặc có tính năng tương đương			Bộ	1.500
230	Bộ khăn tổng quát (Thay khớp háng)	1 x Khăn trải bàn dụng cụ được cấu tạo từ 2 lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả 2 lớp đều không thấm nước bảo đảm đúng nguyên tắc phòng mổ. 1 x Khăn U thấm cấu tạo từ vải không dệt 5 lớp với hình chữ U 12x65cm, được gia cố vùng siêu thấm và có băng keo y tế (hoặc có tính năng tương đương) Và các phụ kiện tiêu chuẩn			Bộ	1.600
231	Bộ dụng cụ rửa mũi làm sạch các dị nguyên, các tác nhân gây dị ứng mũi dành cho người lớn	Sản phẩm gồm 1 dụng cụ rửa mũi 240ml + 10 gói hỗn hợp pha rửa. Gói hỗn hợp này bao gồm 1 tỷ lệ xác định trước của Sodium Chloride, Sodium Bicarbonate	Bơm rửa mũi	Dụng cụ bơm rửa mũi kèm gói hỗn hợp pha rửa	Hộp	500
232	Gói hỗn hợp pha rửa mũi	Gói hỗn hợp pha rửa mũi (dùng kèm với dụng cụ rửa mũi NeilMed 240ml). Gói hỗn hợp này bao gồm 1 tỷ lệ xác định trước của Sodium Chloride, Sodium Bicarbonate	Bơm rửa mũi	Gói hỗn hợp pha rửa mũi dạng bột	Hộp	500
233	Bộ dụng cụ rửa mũi dành cho trẻ em	Sản phẩm gồm 1 dụng cụ rửa mũi 120ml + 30 gói hỗn hợp pha rửa. Gói hỗn hợp này bao gồm 1 tỷ lệ xác định trước của Sodium Chloride, Sodium Bicarbonate	Bơm rửa mũi	Dụng cụ bơm rửa mũi kèm gói hỗn hợp pha rửa	Hộp	200
234	Gói hỗn hợp pha rửa mũi dành cho trẻ em	Gói hỗn hợp pha rửa mũi (dùng kèm với dụng cụ rửa mũi NeilMed 120ml). Gói hỗn hợp này bao gồm 1 tỷ lệ xác định trước của Sodium Chloride, Sodium Bicarbonate	Bơm rửa mũi	Gói hỗn hợp pha rửa mũi dạng bột	Hộp	200
235	Dung dịch xịt rửa mũi làm ẩm, làm trơn mũi cho người lớn, trẻ em 75ml	Sodium Chloride 0,9%, Sodium Bicarbonate.	Xịt rửa mũi	Chai xịt phun sương	Chai	300

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
236	Gel xịt điều trị khô mũi, dưỡng ẩm mũi 30ml	Sodium Chloride 0,9%, Sodium Bicarbonate, Sodium Hyaluronate, Aloe Vera	Xịt mũi	Gel	Chai	300
237	Nước biển xịt mũi đẳng trương dùng cho trẻ sơ sinh vệ sinh mũi xoang	Dung dịch nước biển đẳng trương 0.9% NaCl	Xịt rửa mũi	Chai xịt phun sương	Chai	300
238	Nước biển xịt mũi ưu trương dùng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên vệ sinh mũi xoang	Dung dịch nước biển ưu trương 2.1% NaCl, Chamomile & Aloe Vera	Xịt rửa mũi	Chai xịt phun sương	Chai	300
239	Xà phòng sát khuẩn tắm trước và sau phẫu thuật	Dung dịch tắm sát khuẩn chứa Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: PEG-7 Glyceryl Cocoate, Glycerine. Chất hoạt động bề mặt: Cocamidopropyl betaine (CAB), C8-16 fatty alcohol glucoside, Lauryl Alcohol Ethoxylate .Chất tạo đặc, hương liệu.	Dùng ngoài da	Xà phòng	Chai	200
240	Băng dán có gạc vô trùng 6x7cm	Cấu tạo gồm: Màng polyurethane film (PU film) phủ keo acrylic (bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng), lớp pad thấm hút (viscose+polyester) phủ polyethylene (PE) chống dính và lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính. Lớp màng PU mỏng, trong suốt, bán thấm, thoáng khí, co giãn tốt, giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút với đường kính >27 nm (HIV-1, HBV,...) xâm nhập vào vết thương nhưng vẫn cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MTVR (moisture vapor transmission rate) ≥ 600 g/m ² .24h. Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≥ 6 g dịch/ g gạc ($\sim \geq 0.12$ ml/cm ²). Không thấm nước, bệnh nhân có thể tắm rửa, vệ sinh. Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân khi thay gạc. Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. Kích thước: 60mm x 70mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	1.000
241	Băng keo có gạc vô trùng 10x10cm	Cấu tạo gồm: Màng PET/PE có đường S-line, màng polyurethane film (PU film) phủ keo acrylic (bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng), lớp pad thấm hút (viscose+polyester) phủ polyethylene (PE) chống dính và lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính. Lớp màng PU mỏng, trong suốt, bán thấm, thoáng khí, co giãn tốt, giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút với đường kính >27 nm (HIV-1, HBV,...) xâm nhập vào vết thương nhưng vẫn cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MTVR (moisture vapor transmission rate) ≥ 600 g/m ² .24h. Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≥ 6 g dịch/ g gạc ($\sim \geq 0.12$ ml/cm ²). Không thấm nước, bệnh nhân có thể tắm rửa, vệ sinh. Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân khi thay gạc. Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. Kích thước: 100mm x 100mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	500

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
242	Băng keo có gác vô trùng 9x25cm	Cấu tạo gồm: Màng PET/PE có đường S-line, màng polyurethane film (PU film) phủ keo acrylic (bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng), lớp pad thấm hút (viscose+polyester) phủ polyethylene (PE) chống dính và lớp giấy lót (phủ silicone, PE..) chống dính. Lớp màng PU mỏng, trong suốt, bán thấm, thoáng khí, co giãn tốt, giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút với đường kính >27 nm (HIV-1, HBV,...) xâm nhập vào vết thương nhưng vẫn cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MTRV (moisture vapor transmission rate) ≥ 600 g/m ² .24h. Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≥ 6 g dịch/ g gác ($\sim \geq 0.12$ ml/cm ²). Không thấm nước, bệnh nhân có thể tắm rửa, vệ sinh. Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân khi thay gác. Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. Kích thước: 90mm x 250mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	300
243	Băng keo có gác vô trùng 9x20cm	Cấu tạo gồm: Màng PET/PE có đường S-line, màng polyurethane film (PU film) phủ keo acrylic (bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng), lớp pad thấm hút (viscose+polyester) phủ polyethylene (PE) chống dính và lớp giấy lót (phủ silicone, PE..) chống dính. Lớp màng PU mỏng, trong suốt, bán thấm, thoáng khí, co giãn tốt, giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút với đường kính >27 nm (HIV-1, HBV,...) xâm nhập vào vết thương nhưng vẫn cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MTRV (moisture vapor transmission rate) ≥ 600 g/m ² .24h. Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≥ 6 g dịch/ g gác ($\sim \geq 0.12$ ml/cm ²). Không thấm nước, bệnh nhân có thể tắm rửa, vệ sinh. Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân khi thay gác. Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. Kích thước: 90mm x 200mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	250
244	Băng keo có gác vô trùng 9x15cm	Cấu tạo gồm: Màng PET/PE có đường S-line, màng polyurethane film (PU film) phủ keo acrylic (bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng), lớp pad thấm hút (viscose+polyester) phủ polyethylene (PE) chống dính và lớp giấy lót (phủ silicone, PE..) chống dính. Lớp màng PU mỏng, trong suốt, bán thấm, thoáng khí, co giãn tốt, giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút với đường kính >27 nm (HIV-1, HBV,...) xâm nhập vào vết thương nhưng vẫn cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MTRV (moisture vapor transmission rate) ≥ 600 g/m ² .24h. Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≥ 6 g dịch/ g gác ($\sim \geq 0.12$ ml/cm ²). Không thấm nước, bệnh nhân có thể tắm rửa, vệ sinh. Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân khi thay gác. Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. Kích thước: 90mm x 150mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	250

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng
245	Băng gạc tiết trùng 6x8cm	Cấu tạo: Nền băng bằng vải polyester không đan dệt (non-woven), màu trắng, co giãn tốt, phủ keo acrylic, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng ra; lớp Pad làm từ sợi thấm hút (viscose + polyester) phủ Polyethylene (PE) chống dính; lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính. Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≥ 6 g dịch/ g gạc ($\sim \geq 0.12$ ml/cm ²). Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân mỗi lần thay gạc. Băng mềm mại, thoáng khí, bám dính tốt, cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MVTR (Moisture vapor transmission rate) ≥ 500 g/m ² .24h. Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. Sản phẩm tiết trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. Kích thước: 60mm x 80mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	1.000
246	Băng gạc tiết trùng 10x10cm	Cấu tạo: Nền băng bằng vải polyester không đan dệt (non-woven), màu trắng, co giãn tốt, phủ keo acrylic, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng ra; lớp Pad làm từ sợi thấm hút (viscose + polyester) phủ Polyethylene (PE) chống dính; lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính. Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≥ 6 g dịch/ g gạc ($\sim \geq 0.12$ ml/cm ²). Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân mỗi lần thay gạc. Băng mềm mại, thoáng khí, bám dính tốt, cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MVTR (Moisture vapor transmission rate) ≥ 500 g/m ² .24h. Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. Sản phẩm tiết trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. Kích thước: 100mm x 100mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	1.000
247	Băng gạc tiết trùng 9x20cm	Cấu tạo: Nền băng bằng vải polyester không đan dệt (non-woven), màu trắng, co giãn tốt, phủ keo acrylic, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng ra; lớp Pad làm từ sợi thấm hút (viscose + polyester) phủ Polyethylene (PE) chống dính; lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính. Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≥ 6 g dịch/ g gạc ($\sim \geq 0.12$ ml/cm ²). Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân mỗi lần thay gạc. Băng mềm mại, thoáng khí, bám dính tốt, cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MVTR (Moisture vapor transmission rate) ≥ 500 g/m ² .24h. Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. Sản phẩm tiết trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. Kích thước: 90mm x 200mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	250
248	Băng gạc tiết trùng 9x25cm	Cấu tạo: Nền băng bằng vải polyester không đan dệt (non-woven), màu trắng, co giãn tốt, phủ keo acrylic, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng ra; lớp Pad làm từ sợi thấm hút (viscose + polyester) phủ Polyethylene (PE) chống dính; lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính. Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≥ 6 g dịch/ g gạc ($\sim \geq 0.12$ ml/cm ²). Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân mỗi lần thay gạc. Băng mềm mại, thoáng khí, bám dính tốt, cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MVTR (Moisture vapor transmission rate) ≥ 500 g/m ² .24h. Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. Sản phẩm tiết trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. Kích thước: 90mm x 250mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	250

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
249	Băng dán cố định kim lưỡng trong suốt 6x7 cm	Cấu tạo: Lớp màng polyurethane film (PU film) bán thấm, mỏng, trong suốt (phủ keo acrylic, bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng ra) giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút với đường kính >27 nm (HIV-1, HBV,...) xâm nhập vào vết thương; được xẻ rãnh phù hợp, dán cố định kim luôn có công tiêm. Khung viền giấy để cầm khi dán băng, dễ dàng bóc ra. Màng PU bán thấm, mỏng, trong suốt, bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật. Co giãn tốt, thoáng khí, tốc độ thoát hơi MVTR (moisture vapor transmission rate) ≥ 600 g/m ² .24h. Có nhãn dán ghi ngày, giờ kèm theo và 2 dải băng dính cố định dây truyền. Không thấm nước, băng bo 4 góc tránh bung mép. Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. Kích thước: 60 x 70mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	1.000
250	Băng dán cố định tĩnh mạch trung tâm trong suốt 10x10 cm	Gạc vô trùng trong suốt giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút với đường kính >27 nm (HIV-1, HBV,...) xâm nhập vào vết thương. Sản phẩm trong suốt cho phép việc theo dõi vết thương dễ dàng mà không cần tháo băng. Cấu tạo gồm: màng PET/PE có đường S-line, màng polyurethane film (PU film) bán thấm, mỏng, trong suốt (phủ keo acrylic, bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng ra), lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính. Co giãn tốt, thoáng khí, cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MVTR (moisture vapor transmission rate) ≥ 600 g/m ² .24h. Không thấm nước, cho phép tắm rửa khi băng kín vết thương. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. Kích thước: 100mm x 100mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	1.000
251	Gạc hút dịch kháng khuẩn tạo gel 100mm x 100mm	Thành phần: Alginate kháng khuẩn chứa bạc (ion bạc, nồng độ bạc 0.85-1.05 %wt), không dẹt, chiết xuất từ rong biển. Phổ diệt khuẩn rộng, hiệu quả diệt khuẩn cao (lên đến 99.99%). Khả năng hấp thụ lớn (15-20 lần trọng lượng gạc). Tạo gel khi tiếp xúc với dịch vết thương, không dính gạc vào vết thương. Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong túi riêng. Kích thước: 100mm x 100mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	1.000
252	Gạc hút dịch kháng khuẩn 100mm x 100mm	Là lớp xốp polyurethane tích hợp nano bạc và PHMB, hàm lượng: nano bạc 0.25%w/w, PHMB 1%w/v. Độ dày: 4.5mm. Hiệu quả tiêu diệt vi sinh vật lên đến 99.99%. Khả năng thấm hút dịch cao (11-18g dịch/g gạc), giữ dịch trong gạc, hạn chế số lần thay gạc (duy trì khả năng diệt khuẩn trong suốt 7 ngày điều trị). Mềm mại, co giãn linh hoạt, không dính vào vết thương. Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong túi riêng. Kích thước: 100mm x 100mm.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	1.000
253	Dung dịch nhỏ giọt giảm rối loạn tiêu hóa, chướng bụng, đầy hơi, nôn trớ ở trẻ (20ml)	Simethicone (20 giọt chứa 40 mg Simethicone), 2 g nấm men Saccharomyces Boulardii, Maltodextrins	Uống	Dung dịch	Hộp	500
254	Dung dịch rửa miệng điều trị tưa lưỡi, lở miệng, sưng lợi	Natri borat decahydrat 3,87g/15ml	Rửa miệng	Dung dịch	Lọ	500

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
255	Dung dịch tăng cường khả năng miễn dịch, sức đề kháng cho cơ thể	Sắt (dưới dạng Sắt Sulfat): 2.009mg, Kẽm (dưới dạng Kẽm Sulfat): 1.137mg, Kẽm (dưới dạng Kẽm Sulfat): 1.137mg, Mangan (dưới dạng Mangan Sulfat): 0.3055mg, Đồng (dưới dạng Đồng Sulfat): 0.2545mg, Molybden (dưới dạng Amoni Molybdat): 0.1902mg, Vanadi (dưới dạng Amoni Monovanadat): 0.1219mg, Niken (dưới dạng Niken Sulfat): 0.1087mg, Bo (dưới dạng Acid Boric): 0.1049mg, Flo (dưới dạng Natri Florid): 0.0904mg, Coban (dưới dạng Coban Clorid): 0.0248mg	Uống	Dung dịch	Chai	300
256	Gel điều trị vết thương hở cấp tính và mạn tính như vết mổ, rách da	Medical grade honey ... 40% (Dạng y tế không gây dị ứng), Medical grade hypoallergenic Lanolin, Sea Buckthorn oil, Vitamin C, Vitamin E	Bôi ngoài da	Gel	Tuýp	300
257	Viên đặt phụ khoa duy trì môi trường âm đạo khỏe mạnh	Lactosum, Acidum lacticum, Proteose peptone, Acidum folicum, Extractum Salviae officinalis, PEG32, PEG 20, polysorbatum 20, natri choridum, magnesi sulphas.	Đặt âm đạo	Viên nang mềm	Viên	1.000
258	Gel làm lạnh giảm đau khớp, bong gân, căng cơ	Chondroitin sulphat, Axit hyaluronic và Menthol	Bôi ngoài da	Gel	Hộp	500
259	Kem bôi âm đạo điều trị các tổn thương trong vi biểu mô do HPV gây ra	Curcumin 0.36%, Docosanol 3%, dch chiết Emblica officinalis 2.5%, gel lô hội 2.5%, Polidocanol 2%, Glyceryl laurate 5%, C 12-20 (8) OE axit béo 15%, Imidazolidinyl urea 0.2%, Sodium dehydroacetate 0.1%, CM betaglukan 2%, EDTA disodium 0.1%, axit Lactic pH =5.5, nước vừa đủ 100%, dầu vaseline 5%, parahydroxybenzoate (methyl, ethyl, propyl, butyl) 0.3%.	Thụt âm đạo	Kem	Hộp	300
260	Viên đặt hỗ trợ điều trị viêm nhiễm, cân bằng độ PH âm đạo	Hyaluronic acid, Polycarbophyl, Lactic acid, Tocopheryl acetate (vitamin E), Vitamin A, 18 - beta - glycyrrhetic acid, Tinh dầu trà xanh, Phosphatidylcholine, Semisynthetic glycerids	Đặt âm đạo	Viên nang mềm	Viên	6.000
261	Viên đặt phụ khoa điều trị viêm do nấm khuẩn, bổ sung lợi khuẩn âm đạo	Mỗi viên đặt 2g chứa: semisynthetic glycerides, polysorbate 80, silica, galac- tooligosaccharides (1 mg), tyndallized Lactobacillus acidophilus (0.07 mg), axit lactic (2 mg)	Đặt âm đạo	Viên đạn	Viên	6.000
262	Viên uống điều trị các triệu chứng trào ngược dạ dày - thực quản	Natri alginat 200mg, Acid alginic 50mg, Natri bicarbonat 80mg, Calci carbonat 140mg	Nhai	Viên nén	Viên	1.200
263	Viên đặt phòng ngừa tái phát viêm phụ khoa	Glyceride bán tổng hợp, polysorbat 80, silic, axit linoleic liên hợp 1mg, hỗn hợp muối natri axit hyaluronic 0.3mg, PEG, dầu thầu dầu hydro hóa, tocopherol, dầu hạnh nhân, vitamin A palmitat 1mg, vitamin E axetat 1mg	Đặt âm đạo	Viên	Viên	1.000
264	Hỗn dịch hỗ trợ điều trị các triệu chứng liên quan đến trào ngược dạ dày thực quản	Natri Alginate 400mg, Calci Carbonate 200mg, Kali Bicarbonate 200mg	Uống	Hỗn dịch	Gói	1.000
265	Viên đặt làm dịu các triệu chứng đau rát, ngứa ở bệnh nhân trĩ	Chiết xuất rễ cây đậu chổi, chiết xuất lá cây phi, chiết xuất hạt dẻ ngựa, chiết xuất lô hội, vitamin E, hyaluronic acid, Chất béo cứng (Hard fat Suppocire BS2X)	Đặt hậu môn	Viên đạn	Viên	700
266	Kim chọc dò cân quang	Kim chọc dò cân quang: Chất liệu thép không gỉ, hợp kim Platium-Iridium, Kim có các loại cong/ thẳng nhọn, Kim dài 54/60/100/145/200mm, đường kính 18/20/21/22G, Kích thước đầu hoạt động 5/10mm, Dùng một lần			Cái	500
267	Kim đốt sóng cao tần	Kim đốt sóng cao tần: Chất liệu hợp kim Constantan với lớp phủ cách điện polymide và thép không gỉ, Kích cỡ 50mm.,54mm, 60mm, 100mm, 145mm, 200mm, đường kính 18G, 20G, 21G, 22G. Dùng một lần			Cái	500
268	Kim chọc dò cho kim đốt sóng cao tần làm mát	Kim chọc dò tương thích với kim đốt sóng cao tần làm mát và ống dẫn nước làm mát. Chất liệu thép không gỉ, nhựa PVC. Kim dài 50mm, 75mm, 100mm, 150mm, đầu hoạt động 2mm, 4mm, 5.5mm, đường kính 17G. Tiệt khuẩn, dùng một lần			Cái	500

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
269	Kim đốt sóng cao tần làm mát	Kim đốt sóng cao tần làm mát đồng bộ với ống dẫn nước để làm mát đầu đốt có chức năng điều trị đau bằng sóng cao tần. Chất liệu hợp kim Constantan với lớp phủ cách điện polyimide và thép không gỉ. Kích cỡ 50/75/100/150mm, đường kính tối thiểu 17G. Tiệt khuẩn, sử dụng một lần			Cái	500
270	Ống dẫn nước làm mát	Ống dẫn nước làm mát: Chất liệu Polycarbonate, PVC: Ống dẫn nước làm mát cho kim đốt sóng cao tần. Tương thích với kim chọc dò và kim đốt sóng cao tần làm mát			Cái	500
271	Kim đốt sóng cao tần làm mát	Bộ kim đốt sóng cao tần làm mát được sử dụng kết hợp với máy Điều trị đau bằng sóng cao tần, tác động lên mô thần kinh. Bao gồm 1 kim đốt, 3 kim chọc dò, 1 dây nước. Chất liệu hợp kim Constantan với lớp phủ cách điện polyimide và thép không gỉ. Kích cỡ 50/75/100/150mm, đường kính 17G. Kích thước đầu hoạt động 2/4mm. Tiệt khuẩn, sử dụng một lần			Cái	500
272	Kim đốt sóng cao tần làm mát	Bộ kim đốt sóng cao tần làm mát được sử dụng kết hợp với máy Điều trị đau bằng sóng cao tần, tác động lên mô thần kinh. Bao gồm 1 kim đốt, 3 kim chọc dò, 1 dây nước, 2 thước Epsilon. Chất liệu hợp kim Constantan với lớp phủ cách điện polyimide và thép không gỉ. Kích cỡ 75/150mm, đường kính tối thiểu 17G. Kích thước đầu hoạt động 4mm. Tiệt khuẩn, sử dụng một lần			Cái	500
273	Tấm điện cực trung tính loại kép dán bệnh nhân	Tấm điện cực trung tính loại kép dán bệnh nhân.			Cái	500
274	Điện cực trung tính dùng trong phẫu thuật bằng máy đốt điện	Tấm điện cực trung tính dán kiểu chia đôi có vòng đẳng thế, sử dụng cho người lớn và trẻ em. Có thể dán theo mọi hướng không phụ thuộc vào hướng của phẫu trường. Diện tích tiếp xúc 82 cm ² ± 5%. Diện tích vòng đẳng thế 23 cm ² ± 5%. Vật liệu tương thích sinh học với da			Miếng	2.000
275	Xịt lạnh giảm đau chấn thương cơ, khớp	Menthol, Eucalyptus Oil, Cassia Oil, Isopropanol, Ethyl Alcohol, Glycerine, Azone, Menthyl Acetate, Tea tree oil, Purified water, MA Decadiene Crosspolymer, Azone.	Dùng ngoài	Dung dịch	Chai	300
276	Nước kháng khuẩn hỗ trợ vệ sinh mũi, họng, súc miệng và ngâm rửa hỗ trợ các bệnh ngoài da	Water, Centella Asitica Extract (Chiết xuất rau má), Aloe Vera Extract (Chiết xuất lô hội), Rosa Alba Extract (Chiết xuất Hồng Bạch), Nacl (Muối Ion âm), Silver Nano (Nano Bạc), Acid Boric.	Dùng ngâm, rửa súc các vết thương	Dạng nước	Chai	5.000
277	Sản phẩm hỗ trợ điều trị các bệnh về mũi do khô, bụi, ô nhiễm môi trường, viêm xoang, viêm mũi.	Tinh chất cây giao(san hô xanh) 0.25ml, Tinh chất Tạo giác thích (gai bò kết) 0.125ml, Tinh chất Thương nhĩ tử 0.05ml, Nước tinh khiết vừa đủ 100ml	Xịt mũi	Dung dịch	Lọ	500
278	Sản phẩm làm sạch, sát khuẩn đường hô hấp trên, hỗ trợ điều trị các bệnh về mũi.	Tinh chất cây giao(san hô xanh) 0.25ml, Tinh chất Tạo giác thích (gai bò kết) 0.125ml, Tinh chất Thương nhĩ tử 0.05ml, Nước tinh khiết vừa đủ 100ml	Xịt mũi	Dung dịch	Lọ	500

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng
279	Kit đôi tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu PRP tinh sạch	Bộ kit đôi tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu PRP tinh sạch, công nghệ li tâm đẳng tỉ trọng có gel phân tách giúp mỗi ống thu hồi từ 1 tỷ - 3 tỷ tiểu cầu, đảm bảo đáp ứng tối đa hiệu quả khi tiêm khớp và hoạt hoá cơ học bằng màng lọc vô trùng với kích thước lỗ lọc $\leq 0,45\mu\text{m}$ gồm 2 ống áp lực âm chứa gel thu 10-24ml máu và ly tâm 1 lần 1500g trong 10 phút, hàm lượng nội độc tố < 1 EU/ml 5PRP KIT. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Bao gồm: - 2 gác tấm cồn - 2 ống PRP - 1 kim lấy máu chân không - 1 ống giữ kim - 1 băng cá nhân - 1 ống lưu trữ PRP - 1 kim dài - 3 bơm tiêm đầu xoắn 10ml - 1 ống nối - 1 màng lọc	Tiêm	Dung dịch	Bộ	100
280	Sản phẩm hỗ trợ điều trị ở bệnh nhân bị thoái hóa khớp	2,0 ml của thiết bị chứa: 40,0mg natri hyaluronat với trọng lượng phân tử trong khoảng 1.5-2.5x10 ⁶ Da, 16,0mg sodium chloride, 0,6mg natri photphat đơn x 2H ₂ O, 3,0mg natri photphat dibasic x 12H ₂ O, Nước pha tiêm vừa đủ cho 2ml.	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	500
281	Sản phẩm hỗ trợ điều trị ở bệnh nhân bị thoái hóa khớp	3,0 ml của thiết bị chứa: 60,0mg natri hyaluronat với trọng lượng phân tử trong khoảng 1.5-2.5x10 ⁶ Da, 24,0mg sodium chloride, 0,9mg natri photphat đơn x 2H ₂ O, 4,5mg natri photphat dibasic x 12H ₂ O, Nước pha tiêm vừa đủ cho 3ml.	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	500
282	Dung dịch súc miệng hỗ trợ giảm nhiệt miệng, loét miệng	Acid Hyaluronic (trọng lượng phân tử cao dạng muối Natri-Sodium hyaluronat) 62,5mg, Thymol 2,5mg, Menthol 25mg	Xúc miệng	Dung dịch	Hộp	500
283	Dung dịch hỗ trợ trong điều trị táo bón và sạch ruột trước phẫu thuật	Monobasic sodium phosphat; dibasic sodium phosphat; Disodium EDTA; Sodium Benzoat, Sodium saccharin, nước vừa đủ	Uống	Dung dịch	Chai	1.000
284	Bột hòa tan hỗ trợ điều trị táo bón và sạch ruột trước phẫu thuật	Macrogol 4000: 65g; Natri sulfat; Natri Bicarbonat; Natri clorid; Kali clorid; Saccharin, hương vừa đủ	Uống	Bột hòa tan	Gói	1.000
285	Viên nén hỗ trợ để làm giảm các triệu chứng kích ứng niêm mạc dạ dày	Calci carbonate, Magnesium hydroxide, Xanacid® [Aloe barbadensis gel, Althaea officinalis L. root d.e, Malva sylvestris L. leaves d.e], Sorbitol, Xylitol, Hương bạc hà, Magnesium stearate, steviol glycoside (stevia rebaudiana), Silica micronized- 1,4g	Nhai	Viên nén	Viên	5.000
286	Gel xoa bóp phòng ngừa và giảm các triệu chứng thoái hóa khớp	Chondroitin sulfat 5%, Methyl salicylat 2%, Dimethyl Sulfoxid, tá dược vừa đủ	Dùng ngoài	Gel xoa bóp xương khớp	Tuýp	200
287	Gel bôi trị điều trị và phòng ngừa các khó chịu ở hậu môn	Phức hợp 2QR; Barbadensis ; Galactoarabinan Polyglucuronic Acid Crosspolymer* ; PEG-8 ; Xanthan Gum ; Betaine ; Laureth-9 ; Phenoxyethanol ; Ethyl-hexylglycerin ; Sodium Hydroxide ; Potassium phosphate	Bôi ngoài	Gel	Tuýp	500
288	Gel dùng hỗ trợ cho các rối loạn tiêu hóa, ợ nóng, trào ngược	3,5 g silicon dioxit trong 100 ml axit silicic gel	Uống	Gel	Chai	500
289	Gel làm giảm tạm thời các cơn đau nhức cơ và khớp	Nước, Alcohol Denat, Menthol, Dimethyl Sulfone (MSM), Glycerin, Eucalyptus Glubulus Leaf Oil, Mentha Piperita Oil, Acrylates/ C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Triethanolamine	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	300

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
290	Gel nóng lạnh làm giảm tạm thời các cơn đau nhức cơ và khớp	Nước, Alcohol Denat, Glycerin, Menthol, Arnica Montana Flower Extract, Pinus Sylvestris Cone Extract, Aretium Lappa Root Extract, Lamium Album Flower Extract, Rosmarinus Officinalis (Rosemary) Leaf Extract, Anthemis Nobilis Flower Extract, Hedera Helix (Ivy) Extract, Chiết xuất Nasturtium Officinale, Chiết xuất củ Allium Sativum (Tỏi), Butylene Glycol, Vanillyl Butyl Ether, Acrylates/ C 10-30 Alkyl Acrylate Copolymer, Methoxypropanediol, Triethanolamine	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	300
291	Sản phẩm chỉ định cho tách huyết tương giàu tiểu cầu	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu gồm: 1 ống nghiệm bằng Thủy tinh borosilicate dùng cho y tế loại 1 (USP, Ph.Eur), chiều dài ống 125mm (ống 10ml). Lượng gel trong mỗi ống: + Gel tách tế bào máu (gel tách polyme thixotropic (RegenGel-T)): 3g ± 0,3g/ống (ống 10ml) + Chất chống đông máu Natri Citrat (Sodium citrate): 1ml ± 10%/ống (ống 10ml) cho khả năng phục hồi tiểu cầu > 90% + Núm đẩy: Cao su bromobutyl trắng trong suốt + Nắp: Nắp an toàn Polypropylene trên núm đẩy + Thời gian ly tâm: 9 phút + Ống chân không cho phép tự động thu thập: 8-11ml (ống 10ml) + RegenKit-THT-3 được đóng gói riêng lẻ và được tiệt trùng bằng cách tiếp xúc với một liều chiếu xạ gamma tối thiểu là 25kGy + Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 + Xuất xứ: Châu Âu	Đường tiêm	Dung dịch	Kit	200
292	Sản phẩm dùng để tiêm điều trị đau khớp gối	- Bộ kit tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu có HA: 1 ống nghiệm bằng thủy tinh trong suốt được phẩm loại 1, chiều dài ống 110mm ống chân không (= lượng máu rút): 4 ml ± 20% Thành phần trong mỗi ống gồm: + Gel tách tế bào máu (gel thixotropic acrylic hoặc polyme): 3g ± 0,3g/ống + Khối lượng gel axit hyaluronic (HA)/ống : 2,0 - 2,2 ml/ống + Chất chống đông máu Natri Citrat (Sodium citrate)(4% (w/v)): 0,6 ± 10% ml/ống + Núm chặn: Cao su bromobutyl trắng + Nắp: Nắp an toàn Polypropylen, Chất tạo màu nắp: FK 32507, màu vàng ánh kim + Thời gian ly tâm: 5 phút + Ống chân không cho phép tự động thu thập thể tích máu cần thiết: 4ml ± 20% + Thể tích hỗn hợp PRP/HA trên mỗi ống sau khi rút máu: 4ml ± 20% + % PRP trong chế phẩm cuối cùng trên mỗi ống, sau khi rút máu bệnh nhân và ly tâm xấp xỉ 50% + Các ống Cellular Matrix được khử trùng bằng nhiệt ẩm với chu kỳ đảm bảo F0 ≥ 15 phút ở 121°C - Mục đích sử dụng: Tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu tự thân và gel axit hyaluronic (HA) Thiết bị được sử dụng để điều chế các dung dịch tiêm trong da nhằm cung cấp độ ẩm cho các mô da bị thiếu nước và có nếp nhăn. + Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 + Xuất xứ: Châu Âu	Đường tiêm	Dung dịch	Ống	200

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
293	Dung dịch rửa vết thương 250ml	Dung dịch rửa vết thương dạng xịt có thành phần là axit hypochlorous (HOCl) nồng độ 50 ppm phối hợp với natri hypochlorous nồng độ 50 ppm, không gây độc tế bào mô; ngăn ngừa các vi khuẩn Gram +/-, vi-rút, nấm và mầm bệnh, kể cả: MRSA, ORSA, VRSA, VRE. Dùng được trong khoang cơ thể. Nồng độ: axit hypochlorous 50 ppm/ natri hypochlorous 50 ppm. Dung tích: 250ml. Đạt tiêu chuẩn CE	Rửa vết thương	Dung dịch	Chai	500
294	Dung dịch rửa vết thương 500ml	Dung dịch rửa vết thương dạng xịt có thành phần là axit hypochlorous (HOCl) nồng độ 50 ppm phối hợp với natri hypochlorous nồng độ 50 ppm, không gây độc tế bào mô; ngăn ngừa các vi khuẩn Gram +/-, vi-rút, nấm và mầm bệnh, kể cả: MRSA, ORSA, VRSA, VRE. Dùng được trong khoang cơ thể. Nồng độ: axit hypochlorous 50 ppm/ natri hypochlorous 50 ppm. Dung tích: 500ml. Đạt tiêu chuẩn CE	Rửa vết thương	Dung dịch	Chai	500
295	Băng dán vết thương tiết dịch 10x10cm	Băng xốp dán vết thương tiết dịch: Thành phần: Silicon, polyurethane. Cấu tạo: 3 lớp. Gồm: Màng film Polyurethane bán thấm ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm); Lớp foam giúp thấm hút và giữ lại dịch tiết; Lớp dính Silicon tinh khiết Polysinoxanes 3 chiều (công nghệ Safetac); Kích thước: 10x10cm; Kích thước lỗ trên bề mặt băng khoảng 150 micrômét; Đạt tiêu chuẩn EU	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	1.000
296	Băng dán vết thương kháng khuẩn 10x10cm	Foam (băng xốp) dán vết thương kháng khuẩn. Thành phần: Silicon, polyurethane chứa bạc Sun-phát và than hoạt tính. Cấu tạo 3 lớp. Gồm: Màng film Polyurethane bán thấm ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm); Lớp foam thấm hút có tẩm Bạc Sun-phát (1.02 mg Ag/cm ²) và than hoạt tính giúp tiêu diệt vi sinh vật; Lớp dính Silicon tinh khiết Polysinoxanes 3 chiều (công nghệ Safetac); Kích thước: 10x10cm; Kích thước lỗ trên bề mặt băng khoảng 150 micrômét; Đạt tiêu chuẩn EU	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	1.000
297	Băng dán vết thương kháng khuẩn 17.5x17.5cm	Foam (băng xốp) dán vết thương kháng khuẩn. Thành phần: Silicon, polyurethane chứa bạc Sun-phát và than hoạt tính. Cấu tạo 3 lớp. Gồm: Màng film Polyurethane bán thấm ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm); Lớp foam thấm hút có tẩm Bạc Sun-phát (1.02 mg Ag/cm ²) và than hoạt tính giúp tiêu diệt vi sinh vật; Lớp dính Silicon tinh khiết Polysinoxanes 3 chiều (công nghệ Safetac). Kích thước: 17,5x17,5 cm. Kích thước lỗ trên bề mặt băng khoảng 150 micrômét. Đạt tiêu chuẩn EU	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	300
298	Băng dán vết thương tạo gel kháng khuẩn 10x10cm	Chất liệu polyvinyl alcohol (PVA) chứa bạc sun-phat (0.2 mg Ag/cm ²). Hóa gel khi tiếp xúc dịch tiết, không rã trong vết thương. Khóa và dẫn lưu dịch tiết, Giảm số lượng lớn vi khuẩn và giải quyết màng biofilm. Kích thước 10x10 cm. Đạt tiêu chuẩn EU	Dùng ngoài da	Cái	Cái	500
299	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu 6x8cm	Kích thước: 6x8cm; Có cấu trúc 4 lớp: Màng bán thấm trong suốt chống nước, vi khuẩn. Lớp lưu dịch chất liệu Polyacrylate. Lớp điều hướng dịch tiết. Lớp dính Silicon Polysinoxanes 3 chiều. Có đường cắt chữ Y đều 3 cạnh, giúp co giãn 4 chiều tránh bong băng khi NB vận động. Kích thước mỗi cạnh chữ Y 4mm. Đế dính có cấu trúc đục lỗ kích thước lỗ 1mm giúp điều tiết dịch và hơi ẩm. Có khả năng lưu dịch dạng Gel. Tiết trùng.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	700

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
300	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu 10x15cm	Kích thước: 10x15cm. Có cấu trúc 4 lớp: Màng bán thấm trong suốt chống nước, vi khuẩn. Lớp lưu dịch chất liệu Polyacrylate. Lớp điều hướng dịch tiết. Lớp dính Silicon Polysinoxanes 3 chiều. Có đường cắt chữ Y đều 3 cạnh, giúp co giãn 4 chiều tránh bong băng khi người bệnh vận động. Kích thước mỗi cạnh chữ Y 4mm. Để dính có cấu trúc đục lỗ kích thước lỗ 1mm giúp điều tiết dịch và hơi ẩm. Có khả năng lưu dịch dạng Gel. Tiết trùng.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	200
301	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu 10x20cm	Kích thước: 10x20cm. Có cấu trúc 4 lớp: Màng bán thấm trong suốt chống nước, vi khuẩn. Lớp lưu dịch chất liệu Polyacrylate. Lớp điều hướng dịch tiết. Lớp dính Silicon Polysinoxanes 3 chiều. Có đường cắt chữ Y đều 3 cạnh, giúp co giãn 4 chiều tránh bong băng khi người bệnh vận động. Kích thước mỗi cạnh chữ Y 4mm. Để dính có cấu trúc đục lỗ kích thước lỗ 1mm ± 5% giúp điều tiết dịch và hơi ẩm. Có khả năng lưu dịch dạng Gel. Tiết trùng.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	200
302	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu 10x25cm	Kích thước: 10x25cm; Có cấu trúc 4 lớp: Màng bán thấm trong suốt chống nước, vi khuẩn. Lớp lưu dịch chất liệu Polyacrylate. Lớp điều hướng dịch tiết. Lớp dính Silicon Polysinoxanes 3 chiều. Có đường cắt chữ Y đều 3 cạnh, giúp co giãn 4 chiều tránh bong băng khi NB vận động. Kích thước mỗi cạnh chữ Y 4mm. Để dính có cấu trúc đục lỗ kích thước lỗ 1mm giúp điều tiết dịch và hơi ẩm. Có khả năng lưu dịch dạng Gel. Tiết trùng.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	200
303	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu 10x30cm	Kích thước: 10x30cm; Có cấu trúc 4 lớp: Màng bán thấm trong suốt chống nước, vi khuẩn. Lớp lưu dịch chất liệu Polyacrylate. Lớp điều hướng dịch tiết. Lớp dính Silicon Polysinoxanes 3 chiều. Có đường cắt chữ Y đều 3 cạnh, giúp co giãn 4 chiều tránh bong băng khi NB vận động. Kích thước mỗi cạnh chữ Y 4mm. Để dính có cấu trúc đục lỗ kích thước lỗ 1mm giúp điều tiết dịch và hơi ẩm. Có khả năng lưu dịch dạng Gel. Tiết trùng.	Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	200
304	Băng dán điều trị vết thương tiết dịch, phòng ngừa và điều trị tổn thương do tỳ đè. Kích thước 7,5x7,5cm. Cấu tạo: 5 lớp. Gồm: Lớp film Polyurethane thông thoáng, không thấm nước, chống vi khuẩn và vi rút; Tẩm thấm dịch tiết; Lớp trải đều dịch; Lớp siêu thấm hút; Chất dính silicone tinh khiết với công nghệ Safetac		Dùng ngoài da	Miếng dán	Miếng	800
305	Kim chích xơ, cầm máu nội soi	Dùng chích cầm máu, chích xơ. Chất liệu Teflon. Tay cầm có nút bấm cố định kim và có nắp đậy. Kim đầu kim loại dài 3-5mm, đường kính 0.7mm (21G) và 0.5mm (23G). Đường kính dụng cụ 2,35mm dài 180-230cm. Sử dụng 1 lần. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485			Cái	500
306	Dao cắt dưới niêm mạc	Dao hình kim đường kính 0,4mm - dài 5mm, đầu tròn đường kính 2,3mm. Đường kính dụng cụ 2,3mm, dài 185cm. Sử dụng 1 lần. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485			Cái	200
307	Vợt lấy dị vật	Vợt lấy dị vật nội soi. Độ mở vợt 32mm. Chiều dài dụng cụ 2400mm. Đường kính ngoài tối đa ≤ 2.7mm. Tương thích kênh sinh thiết nhỏ nhất 2.8mm.			Cái	200
308	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu	Calcium Chloride 20mg/ 0,1ml	Tiêm	Dung dịch	Hộp	100
309	Gel chích hồi phục và tái tạo sụn khớp	Fibrinogen; Hyaluronic acid 0,35%/4 ml	Tiêm	Dung dịch	Lọ	500
310	Chất làm đầy bôi trơn khớp	Hyaluronic Acid 80mg 1ml				100
311	Chất làm đầy bôi trơn khớp	Hyaluronic Acid 80mg 2ml	Tiêm	Tiêm	Ống	100
312	Chất làm đầy bôi trơn khớp	Hyaluronic Acid 35.2mg; Mannitol 77mg	Tiêm	Tiêm	Ống	100
313	Chất làm đầy bôi trơn khớp	Hyaluronic Acid 31mg; Mannitol 70mg	Tiêm	Tiêm	Ống	100

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
314	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu	Đặc tính kỹ thuật: SPRP Kit sử dụng phương pháp thu máu bằng chân không, ly tâm đẳng tỉ trọng có gel phân tách. PRP được hoạt hoá bằng màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.45µm nên sản phẩm PRP kích hoạt cuối cùng không chứa bất kỳ tế bào máu nào và độ tinh sạch cao. 2 ống áp lực âm chứa gel thu 10-24ml máu và ly tâm 1 lần 1500g trong 10 phút. Sản phẩm có nội độc tố ≤1 EU/mL, âm tính với mycoplasma và đạt chỉ tiêu vô khuẩn (0CFU). Tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Bộ dụng cụ bao gồm: 2 gác tấm cùn; 2 ống PRP; 1 kim lấy máu chân không; 1 ống giữ kim; 1 băng cá nhân; 1 ống lưu trữ PRP; 1 kim dài; 3 bơm tiêm dầu xoắn 10 mL; 1 ống nối; 1 màng lọc	Tiêm	Dung dịch	Bộ	100
315	Thụt tháo táo bón	Monobasic sodium phosphat; dibasic sodium phosphat; Disodium EDTA; Sodium Benzoat; Sodium saccharin; nước vừa đủ	Uống	Dung dịch	Chai	1.000
316	Dung dịch xịt mũi hỗ trợ dành cho viêm xoang, viêm mũi dị ứng cho trẻ em	Tinh chất cây giao (san hô xanh) 0.25ml; Tinh chất Tạo giác thích (gai bồ kết) 0.125ml; Tinh chất Thương nhĩ tử 0.05ml; Nước tinh khiết vừa đủ 100ml	Xịt mũi	Dung dịch	Hộp/lọ	500
317	Gel bôi giảm đau cơ xương khớp và chấn thương	Troxerutin; Sweet clover; Vitamin PP; Tinh dầu bạc hà; MSM.	Bôi ngoài	Gel	Tuýp	200
318	Giúp giảm khuyết điểm, cho da đều màu	Aqua, Carbomer, Hydrogen Peroxide, Xanthan Gum, Hydroxyethyl Acrylate / Sodium Acryloyldimethyl Taurate Copolymer, Sodium Hydroxide, Squalane, Glycine, Sodium Hyaluronate, Polysorbate 60, Oxyquinoline Sulfate, Sorbitan Isostearate.	Gel bôi da	Gel	Tuýp	100
319	Que thử dùng cho máy đo đường huyết	Phạm vi đo: 0,6 - 33,3mmol/L hoặc 10-600 mg/dL	Que thử đường huyết	Que	Que	10.000
320	Kim lấy máu đo đường huyết	Đường kính kim nhỏ: 0.3mm - 28G	Kim lấy máu	Kim	Kim	10.000
321	Máy đo đường huyết		Máy đo đường huyết	Máy	Máy	500
322	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy bơm nước có hộp điều khiển cảm biến	Dây nước sử dụng trong phẫu thuật nội soi khớp chất liệu plastic. Lưu lượng nước lên tới 2.5l/phút, có hộp điều khiển. Tổng chiều dài 2 dây: 5.3m * Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE (MDR), ISO			Cái	1.000
323	Chỉ bện không tiêu dùng trong phẫu thuật nội soi	- Chỉ không tiêu số 2 kèm kim, kim có hình dạng bán nguyệt, chiều dài kim 27mm. - Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao - (UHMW) polyethylene và polypropylene. Chiều dài chỉ khâu 96cm (tương đương 38 inch) - Sức căng 227N, độ bền kéo 138N * Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE (MDR), ISO			Cái	500
324	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu có phủ HA sử dụng cho kỹ thuật 2 đường hầm	Sử dụng trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo khớp gối. Có vít ren ngược phù hợp với gối phải. Đường kính: 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm. Chiều dài: 20, 25, 30, 35 mm. Chất liệu: sinh học tự tiêu 75% poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với 25% Hydroxyapatite (HA) * Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE (MDR), ISO			Cái	500
325	Vít neo cố định dây chằng chéo, có thể điều chỉnh độ dài ngắn	- Kích thước: dài 12mm rộng 4mm dày 2mm; 8 lỗ - Chất liệu chốt: titanium - Chất liệu vòng treo: Ultrahigh Molecular Weight Polyethylene (UHMWPE). - Điều chỉnh được chiều dài vòng treo từ 10 – 105 mm - Đường kính chỉ vòng loop: 1.5 mm - Dùng 1 sợi chỉ polyester để kéo và lật - Sức căng tối đa > 1500N, độ di lệch < 2mm * Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE (MDR), ISO			Cái	200
326	Lưỡi dùng cho súng bắn chỉ chóp xoay khớp vai, các loại	Bộ kim và kẹp thu chỉ dùng cho súng khâu chóp xoay. Kim tròn, uốn cong sẵn chất liệu nitinol. Mũi kim có rãnh để mang và bảo vệ chỉ. Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE (MDR), ISO			Cái	200

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng
327	Vít neo may chóp xoay đường kính 4.5mm và 5.5mm các cỡ loại 2	Chất liệu: PEEK - OPTIMA, đã tiệt trùng. Sử dụng trong khâu hàng ngoài chóp xoay khớp vai. Tay vận giới hạn mô men xoắn, đảm bảo chốt bên trong khoá chỉ vào thân neo. Thiết kế neo đóng với ren hình nanh mọc ngang giúp chống bật neo và dễ đóng neo. Kích thước neo: 4.5mm và 5.5mm tương ứng đường kính 5.8mm và 6.7mm. Chiều dài bung tương ứng 20.4mm và 20.8mm. Cho phép điều chỉnh siết chỉ sau khi đặt neo. Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE (MDR), ISO			Cái	100
328	Vít neo may chóp xoay đường kính 4.5mm và 5.5mm các cỡ loại 1	Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp vai. Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khoá ở đầu gần chống bật neo. • Chất liệu PLLA - HA tự tiêu giúp tăng tốc độ liền xương, đã tiệt trùng • Đường kính 4.5mm, 5.5mm và 6.5mm (kèm hai sợi chỉ Ultrabraid số 2). Chiều dài 18.7mm, 19.2mm, 19.2mm. Chỉ chất liệu UHMW polyethylene Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE (MDR), ISO			Cái	100
329	Nẹp khoá đầu trên xương đùi	Nẹp sử dụng vít khoá rỗng ruột đường kính 7.3 mm và vít khoá 5.0 mm, thân nẹp sử dụng vít khoá đường kính 5.0 mm và vít vô đường kính 4.5 mm. Chiều dày nẹp 6 mm, chiều rộng thân nẹp 18.8 mm Chiều dài nẹp 210-282 mm, tương ứng với nẹp 6, 8 và 10 lỗ Vật liệu Titanium-6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			1	100
330	Nẹp khoá đầu trên xương chày mặt trong	Nẹp sử dụng vít khoá đường kính 3.5 mm và vít vô đường kính 3.5 mm. Chiều dày nẹp 4 mm, chiều rộng thân nẹp 11.7 mm Chiều dài nẹp 93-171 mm, tương ứng với nẹp 4-10 lỗ Vật liệu Titanium-6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
331	Nẹp khoá bản hẹp	Nẹp sử dụng vít khoá đường kính 5.0 mm và vít vô đường kính 4.5 mm. Chiều dày nẹp 4.4 mm, chiều rộng 14 mm Nẹp có 7-12 lỗ tương ứng với chiều dài nẹp 134-224 mm Vật liệu Titanium -6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
332	Nẹp khoá xương mác	Nẹp sử dụng vít khoá đường kính 3.5 mm và vít vô đường kính 3.5 mm. Chiều dày nẹp 2 mm, chiều rộng thân nẹp 10.4 mm, Chiều dài nẹp 77-113 mm, tương ứng với nẹp 4-7 lỗ, Vật liệu Titanium-6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
333	Nẹp khoá đầu dưới xương quay (Đầu 8 lỗ)	Nẹp khoá phần đầu có 8 lỗ, đầu nẹp sử dụng vít khoá đường kính 2.4/2.7 mm và vít vô 2.4/2.7 mm. Thân nẹp sử dụng vít khoá đường kính 3.5 mm và vít vô đường kính 3.5 mm. Chiều dày 2.5 mm, chiều rộng thân nẹp 10.3 mm, chiều dài nẹp 58-80 mm tương ứng với nẹp 3, 4 và 5 lỗ. Vật liệu Titanium -6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng
334	Nẹp khoá trước bên đầu dưới xương chày	Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít vò đường kính 3.5 mm. Chiều dày nẹp 4 mm, chiều rộng thân nẹp 14 mm Chiều dài nẹp 82-160 mm, tương ứng với nẹp 5-11 lỗ Vật liệu Titanium-6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
335	Nẹp khoá đầu trên xương chày mặt ngoài	Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 5.0 mm và vít vò đường kính 4.5mm. Chiều dày nẹp 5 mm, chiều rộng thân nẹp 17.5 mm Chiều dài nẹp 143-263 mm, tương ứng với nẹp 5-11 lỗ Vật liệu Titanium-6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
336	Nẹp khoá trung tâm đầu dưới xương chày không đỡ	Nẹp nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít vò đường kính 3.5 mm. Chiều dày nẹp 4 mm, chiều rộng thân nẹp 15 mm Chiều dài nẹp 109-213 mm, tương ứng với nẹp 4-12 lỗ Vật liệu Titanium-6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
337	Nẹp khoá bán rộng	Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 5.0 mm và vít vò đường kính 4.5 mm. Chiều dày nẹp 5.4 mm, chiều rộng 17.5 mm Nẹp có 5-16 lỗ tương ứng với chiều dài nẹp 98-296 mm Vật liệu Titanium -6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
338	Nẹp khoá xương đòn chữ S	Nẹp Khóa sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít vò đường kính 3.5 mm. Chiều dày nẹp 3 mm, chiều rộng 11 mm Nẹp có 5-8 lỗ tương ứng với chiều dài nẹp 73-117 mm Vật liệu Titanium -6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
339	Nẹp khoá móc đầu xa xương đòn	Nẹp khóa sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít vò đường kính 3.5 mm. Chiều dày nẹp 4 mm, chiều rộng thân nẹp 10.7 mm Chiều dài nẹp 69 mm và 85 mm, tương ứng với nẹp 3 và 4 lỗ. Vật liệu Titanium -6AL-4V Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
340	Nẹp khoá mặt lòng đầu dưới xương quay (Đầu 4 lỗ)	Phân đầu có 4 lỗ, đầu nẹp sử dụng vít khóa đường kính 2.4/2.7 mm. Thân nẹp sử dụng vít khóa đường kính 2.4 mm và vít vò đường kính 2.4 mm. Chiều dày nẹp ≥ 2 mm (2.2 mm), chiều rộng thân nẹp 9.2 mm, Chiều dài nẹp 46 mm và 64 mm, tương ứng với nẹp 3 và 5 lỗ, Vật liệu Titanium -6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng
341	Nẹp khoá đầu trên xương cánh tay	Nẹp khoá đầu nẹp sử dụng vít khoá đường kính 3.5 mm, thân nẹp sử dụng vít khoá đường kính 3.5 mm và vít vô đường kính 3.5 mm. Chiều dày nẹp 3.5 mm, chiều rộng thân nẹp 14 mm Chiều dài nẹp 92-116 mm, tương ứng với nẹp 3, 4 và 5 lỗ Vật liệu Titanium -6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
342	Nẹp khoá bàn nhỏ	Nẹp khoá bàn nhỏ - Vật liệu: Hợp kim Titanium Ti-6Al-4V Grade 5, phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F136 - Số lỗ phần thân nẹp: 5 - 9 lỗ - Nẹp sử dụng vít khoá và vít vô, tự taro, đường kính 3.5 mm - Độ dày nẹp từ 3.5 - 4.0 mm - Chiều rộng nẹp từ 11.0 - 11.5 mm - Chiều dài nẹp (mm): 72 - 124 - Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
343	Vít khoá 3.5mm	Vít khoá loại tự taro Đường kính vít 3.5 ± 0.05 mm, đường kính lõi vít 2.9 ± 0.05 mm, đường kính mũ vít 4.9 ± 0.05 mm Chiều dài từ 12-60 mm, bước tăng 2mm. Vật liệu Titanium-6AL-4V Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
344	Vít khoá 2.4mm	Vít khoá loại tự taro Đường kính vít 2.4 ± 0.05 mm, đường kính lõi vít 2.1 ± 0.05 mm, đường kính mũ vít 3.4 ± 0.05 mm Chiều dài từ 10-30 mm, bước tăng 2 mm. Vật liệu titanium-6AL-4V. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
345	Vít khoá 7.3mm rỗng ruột ren toàn phần	Vít khoá rỗng ruột ren ruột ren toàn phần loại tự taro Đường kính 7.3 ± 0.05 mm, đường kính lõi vít 5.5 ± 0.05 mm, mũ vít có ren đường kính 8.3 ± 0.05 mm Chiều dài vít từ 20-120 mm, bước tăng 5 mm. Vật liệu Titanium-6AL-4V Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
346	Vít khoá 5.0mm	Vít khoá loại tự taro Đường kính vít 5.0 ± 0.05 mm, đường kính lõi vít 4.2 ± 0.05 mm, đường kính mũ vít 6.4 ± 0.05 mm Chiều dài từ 12-50 mm, bước tăng 2mm và từ 50-90 mm bước tăng 5mm. Vật liệu Titanium -6AL-4V. Tiệt trùng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
347	Vít xương xộp 4.0mm ren bán phần	Vít xương xộp ren bán phần Đường kính 4.0 ± 0.05 mm, đường kính lõi vít 2.2 ± 0.05 mm, đường kính mũ vít 6.0 ± 0.1 mm Chiều dài vít từ 30-60 mm, bước tăng 5 mm. Vật liệu Titanium -6AL-4V Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50



 I

STT	Tên hàng hoá	Thành phần/Thông số/ đặc tính kỹ thuật	Dạng dùng/ đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
348	Vít xương xóp 6.5mm ren 16mm	Vít xương xóp ren 16 mm Đường kính 6.5 ± 0.05 mm, đường kính lõi vít 3.1 ± 0.05 mm, đường kính mũ vít 7.9 ± 0.1 mm Chiều dài vít từ 25-100 mm, bước tăng 5 mm. Vật liệu Titanium -6AL-4V Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.			Cái	50
349	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Thành phần tối thiểu trong 01 ống: 2,4% (24 mg/ml) natri hyaluronate; 1,6% (16 mg/ml) natri chondroitin; quy cách: Ống ≥ 3 ml; đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, chứng nhận CE.	Tiêm	Dung dịch	Ống tiêm	50
350	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Thành phần tối thiểu trong 01 ống: 32 mg natri hyaluronate trọng lượng phân tử cao; 32 mg natri hyaluronate trọng lượng phân tử thấp; nồng độ natri hyaluronate 3,2% (g/ml); quy cách: Ống ≥ 2 ml; đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, chứng nhận CE.	Tiêm	Dung dịch	Ống tiêm	50
351	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Thành phần: Axit hyaluronic 30mg/2ml trọng lượng phân tử trung bình ($1.0-1.5 \times 10^6$ Dalton); Bơm tiêm chứa sẵn 2ml; Là một loại gel axit hyaluronic dạng tiêm được chỉ định trong bôi trơn và giảm đau trong bệnh thoái hóa khớp.	Tiêm	Dung dịch	Ống	50
352	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Thành phần: Axit hyaluronic 80mg/4ml trọng lượng phân tử trung bình ($1.0-1.5 \times 10^6$ Dalton); Bơm tiêm chứa sẵn 4ml; Là một loại gel axit hyaluronic dạng tiêm được chỉ định trong bôi trơn và giảm đau trong bệnh thoái hóa khớp.	Tiêm	Dung dịch	Ống	50
353	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Thành phần: Axit Hyaluronic liên kết chéo đa tầng IPN 35.2mg, mannitol 77 mg; Trọng lượng phân tử HA: Phân tử lớn 2.5×10^6 Da, Phân tử nhỏ $0.8 - 1.2 \times 10^6$ Da; Ống tiêm đóng sẵn 2,2 ml; Là một loại gel axit hyaluronic dạng tiêm được chỉ định trong bôi trơn và giảm đau trong bệnh thoái hóa khớp.	Tiêm	Dung dịch	Ống	50
354	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Thành phần: Axit Hyaluronic 31mg, mannitol 70 mg; Trọng lượng phân tử HA $1 - 1.5 \times 10^6$ Da; Ống tiêm đóng sẵn 2 ml; Là một loại gel axit hyaluronic dạng tiêm được dùng để bôi trơn và giảm đau trong bệnh thoái hóa khớp.	Tiêm	Dung dịch	Ống	50
355	Gel bôi giảm đau cơ xương khớp và chấn thương	Thành phần: Troxerutin, Sweet clover, Vitamin PP, Tinh dầu bạc hà, Devil's claw (móng quỷ), Arnica montana, MSM, Hộp 01 tuýp 100ml; Là một loại gel bôi giảm đau trong các trường hợp đau cơ, đau thắt lưng, bầm tím, bong gân và trật khớp, cứng cổ, viêm xơ cơ, viêm bao hoạt dịch, viêm gân, khối tụ máu, phù nề và thâm nhiễm chấn thương.	Bôi ngoài	Gel	Tuýp	200

Phụ lục 1.1: Mẫu báo giá

(Kèm theo Thông báo số 585/TB-BV-KD ngày 19 tháng 3 năm 2026)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện 199 - Bộ Công an

Tên hãng sản xuất, nhà cung cấp:
Địa chỉ:
Tel: Mobile:.....

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện 199 - Bộ Công an, chúng tôi...[ghi tên Công ty] báo giá cho các Vật tư và BHYT như sau:

1. Báo giá cho các Vật tư và BHYT:

STT yêu cầu báo giá	Tên hàng hóa theo yêu cầu báo giá	Tên thương mại	Thông số/thành phần/đặc tính kỹ thuật	Nồng độ/hàm lượng	SDK/GPNK	Đường dùng	Dạng dùng	Tên Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Bảo giá đã có VAT (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền	Giá trúng thầu trong vòng 9 tháng kể từ ngày trúng thầu đến thời điểm báo giá (VNĐ)			
															Giá trúng thầu (VNĐ)	Số quyết định/Ngày trúng thầu	Đơn vị trúng thầu	Hiệu lực hợp đồng
1																		
2																		
n																		

(Kèm theo là bản Copy các Quyết định trúng thầu/các hợp đồng cung cấp vật tư, BHYT)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.....ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày tháng năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:

Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp hoặc Chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

Cam kết về chất lượng sản phẩm

Cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hoá, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình; cam kết việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật

Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin trên;

....., ngày.....tháng.....năm 2026
Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu (nếu có))

